



SỨ MẠNG

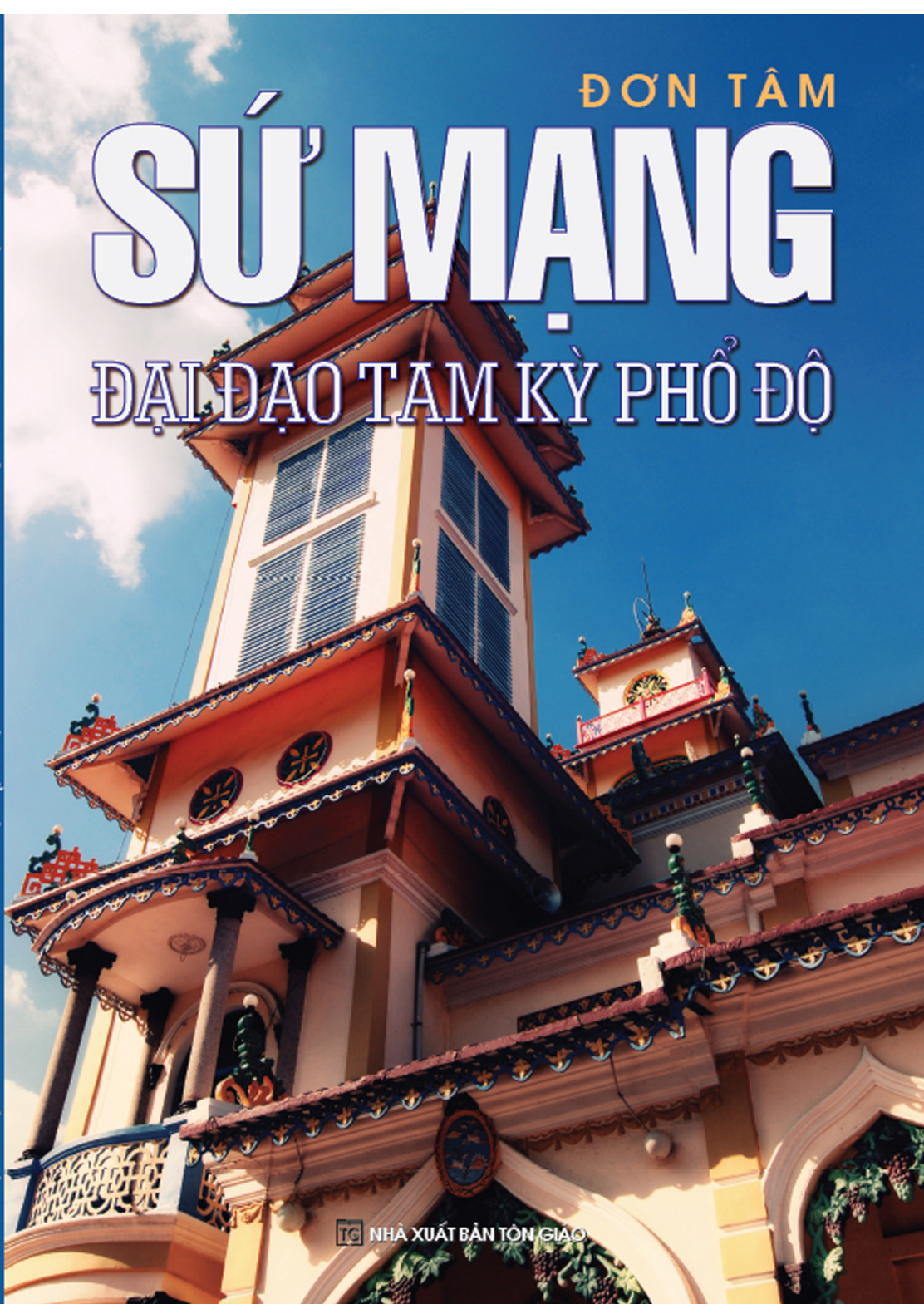
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với các tôn giáo là khêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên, soi rọi để các tôn giáo trở về nguồn gốc của mình là Đại Đạo, phục hồi tinh thần Đại Đạo, từ bỏ mọi chấp nê vào hình tướng tôn giáo, hiệp tâm chung sức cùng nhau phụng sự cơ tiến hóa của trời đất, của nhân sanh. Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với nhân loại là xây dựng lại ý thức con người và khai phóng con người, vận dụng con người cho cuộc kiến tạo đời thánh đức. ■

ĐƠN TÂM

SỨ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

NXB TÔN GIÁO



ĐƠN TÂM

SỨ MẠNG

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

SỨ MẠNG ĐẠI ĐẠO
TAM KỲ PHỔ ĐỘ



Quý Thiên ân, đạo hữu, đạo tâm
chung tay ấn tống lần thứ hai năm ngàn quyển:

① Hiền tỷ **NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIẾP**

(thánh thất Sa Đéc, Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

công quả 5.000.000 đồng, ấn tống 810 quyển,

hồi hướng ông ngoại **THỰC CHƠN Trần Văn Giáo**, 92 tuổi.

② Hiền huynh **LONG VÂN (Phạm Văn Hoa)**,

③ Hiền tỷ **HUỲNH YẾN MAI (Phạm Thị Vân)**,

④ Quý huynh tỷ **LONG VÂN ĐÀN (Chiều Minh, Mỹ Tho)**

chung tay công quả 25.820.000 đồng, ấn tống 4.190 quyển.

Đồng kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,

đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,

vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bi ngân.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc **các điểm phát hành** của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu).

Kinh sách được ấn tống để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gửi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

Ban Ấn Tống

Quyển 40.2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
Kỷ niệm bốn năm hoằng pháp (tháng 6-2008 / tháng 6-2012)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

ĐƠN TÂM

SỨ MẠNG
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

IN LẦN THỨ HAI

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2012

MỤC LỤC

<i>Giao Cảm</i>	5
1. Xây Dựng Đức Tin	7
2. Thoát Nẻo Luân Hồi	15
3. Tu Giải Thoát Theo Tam Công	24
4. Huyền Nghĩa Thiên Quan Tứ Phước	36
5. Lễ Vía Trời Mùa Xuân	43
6. Quyền Pháp Đạo	50
7. Tự Lực, Chí Thành Với Sứ Mạng Đại Thừa	60
8. Sứ Mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	78
9. Xuân Sứ Mạng	91

*Bìa 1: Một góc nhìn về Đền Thánh
(Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh). Ảnh: Lê Anh Huy.*

Tác giả giữ bản quyền
All Rights Reserved © Vietnam 2012

GIAO CẢM

Tác giả Đơn Tâm sinh trưởng trên cù lao làng Long Thuận (bấy giờ thuộc xứ lỵ Tân Châu trù phú), trong một gia đình có truyền thống đạo đức, thân phụ là Lễ Sanh phái Thượng thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Nay, tuổi xấp xỉ chín mươi, tác giả vẫn minh mẫn đề rào chân trên đường dài phụng sự Đạo nhà.

Suốt cuộc đời tu học và hành đạo với nhiệt tâm chí thành phổ thông chơn lý Cao Đài, tác giả Đơn Tâm có nhiều cơ hội đến thuyết giảng tại nhiều thánh sở khác nhau.

Để lưu lại phần nào công trình hoằng pháp của tác giả, và cũng để có dịp chia sẻ rộng rãi với cộng đồng Cao Đài gần xa ít nhiều tâm tư, hoài bão của một vị hướng đạo lão thành, vừa qua *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài* đã trân trọng xin tác giả cho phép kết tập các bản thảo để lần lượt xuất bản ba nhan đề như sau:

Nghệ Thuật Thuyết Trình Giảng Đạo.

Danh Thầy Danh Đạo.

Nói Chuyện Cao Đài.

Ba tác phẩm này rất được bạn đọc hoan nghênh, kể cả từ cộng đồng tôn giáo bạn.

Giờ đây, Ban Ấn Tống chúng tôi hân hạnh tiếp tục gửi đến quý bạn đọc quyển sách thứ tư của tác giả Đơn Tâm, gồm chín bài viết, nhan đề *Sứ Mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*.

Chúng tôi chân thành đa tạ tác giả Đơn Tâm đã giúp cho tủ sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống thêm phong phú với các đầu sách bổ ích nhằm góp phần xiển minh chơn lý Cao Đài, đồng thời bắc được nhịp cầu tương tri giữa các cộng đồng Cao Đài cũng như giữa Cao Đài và các tôn giáo bạn. Bởi lẽ, chủ trương của Ban Ấn Tống trước sau như một, đó là dốc lòng đeo đuổi đường hướng phổ thông giáo lý đã được Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ soi dẫn kể từ đầu xuân Ất Ty (1965):

Gặp gỡ nhau trên dòng giáo lý

Nhìn với nhau tôn chỉ Cao Đài

Không còn chia biệt Đông Tây

Không còn phái nọ chi này Phật Tiên...

Chúng tôi vô cùng cảm kích, biết ơn Quý vị Mạnh Thường Quân đáng kính đã luôn luôn tin cậy và thương mến Chương Trình, thường xuyên tích cực tài trợ dồi dào để nuôi dưỡng nguồn kinh sách ấn tống từ buổi ra mắt (tháng 6-2008) liên tục cho tới nay.

Xin cầu nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ ban hồng ân đến tác giả Đơn Tâm và Quý vị Mạnh Thường Quân, cũng như cứu huyền thất tổ của Quý vị.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ban Ấn Tống

XÂY DỰNG ĐỨC TIN

1. Tính động của đức tin

Trong *Đại Thừa Chơn Giáo*, ngọn đèn dầu là hình ảnh tượng trưng cho đức tin.

*Đức tin như cái đèn dầu
Đèn mà không cháy tại dầu khô khan.⁽¹⁾*

Vậy, đức tin không phải luôn luôn ở trạng thái tĩnh, mà thường thăng giáng; khi yếu ớt, lúc vững mạnh; khi sáng tỏ, lúc lu mờ... trong khoảng thời gian dài hay ngắn tùy nơi ta, có khi lại có thể mất hẳn đi.

Đức tin như ngọn lửa, như ngọn đèn, nghĩa là phải giữ gìn đức tin như giữ gìn ngọn lửa. Giữ bếp lửa thì cần cho thêm củi vào, quạt cho lửa hừng lên. Nếu là ngọn đèn thì thường xuyên châm dầu cho đầy, kê sọt tim cho lửa cháy đều, phải có ống khói sạch bóng để vừa che cho gió khỏi thổi tắt lửa, vừa làm tăng độ sáng của ngọn lửa.

2. Sự cần thiết của đức tin

Người tu hành cần giữ gìn đức tin vì:

*Đức tin để giúp cho mình
Đức tin cứng cáp giữ gìn đường chơn*

⁽¹⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài “Đức Tin”, đàn ngày 28-8 Bính Tý (1936).

*Gặp cơn bão đảo dầu sòn
Đức tin non nớt phản hườn đăng đầu!⁽²⁾*

Thế cho nên, tôn giáo nào cũng đề cập rất nhiều tới đức tin, và thỉnh thoảng chúng ta cần phải lưu ý xem lại coi cái đèn đức tin của mình còn cháy sáng, thật sáng hay không, còn dầu đầy hay dầu đã gần cạn khô...

3. Cơ sở của đức tin cá nhân

Thường thì nhờ có đức tin mà ta vào cửa tôn giáo để tìm Đạo, để tu hành. Nhưng cũng có nhiều trường hợp cần xét lại để xem cơ sở của đức tin có vững chắc không.

*Đức tin như một chiếc thuyền
Mà không có đáy nước tràn chun lên
Đức tin nung chí vững bền
Đức tin là một cái nền Phật Tiên.⁽³⁾*

Sau khi vào cửa tôn giáo rồi, đời sống tu hành của một tín đồ ra sao? Thường có hai cách:

Cách thứ nhất: Hàng ngày cúng kiếng, tụng niệm. Súc vọng tới thánh thất, thánh tịnh cúng lạy. Cứ như thế từ tháng này sang tháng nọ, hết năm này sang năm khác. Nếu chỉ có nếp tu hành đơn điệu ấy, đời sống tâm linh của tín đồ e là quá mỏng manh, mà đức tin của họ cũng không được bồi dưỡng thêm nên dễ suy mòn. Họ dễ chối đạo, bỏ đạo khi gặp thử thách.

Cách thứ hai: Hàng ngày, ngoài việc cúng kiếng, tụng niệm, còn siêng lo đọc kinh sách, tìm học thánh ngôn, thánh giáo rồi để tâm suy gẫm cho thấu đáo nghĩa lý. Tới ngày sóc

⁽²⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài “Đức Tin”.

⁽³⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài “Đức Tin”.

vọng thì tới thánh sở nghe thuyết giảng giáo lý. Ngoài ra còn biết đem áp dụng những điều học hỏi vào cuộc sống hàng ngày, tức là thực hành sùng đạo. Từ tháng này sang tháng nọ, hết năm này sang năm khác, với nếp tu hành như thế, đời sống tâm linh của tín đồ theo thời gian càng tỏ rạng, đức tin như ngọn lửa lúc nào cũng bùng sáng.

Phật dạy con đường tu gồm có ba chặng: văn, tư, tu.

Văn: Là nghe, tức là siêng đi nghe thuyết giảng giáo lý, đọc nhiều kinh sách, chẳng những học thánh ngôn, thánh giáo mà còn học hỏi với bạn đạo.

Tư: Là suy tư, nghiền ngẫm những điều mình đã “văn”. Bởi lẽ không thể nghe gì cũng tin ngay. Phàm dễ tin thì dễ chối bỏ. Do đó phải phân biện, đánh giá, nhận định chân tướng của vấn đề.

Tu: Là thực hành, chứng nghiệm những gì mình nhận thấy là đáng tin. Bởi lẽ điều gì mình nghe giảng giải hay đọc được trong kinh sách, nếu chỉ dựa trên suy luận hay cái trí mà tin thì chưa đủ. Còn phải chứng nghiệm, tức là hành theo đó mà kiểm chứng kết quả. Đó là thái độ khoa học, thực tiễn cần thiết đối với người tu.

Con đường tu hành hiểu theo tinh thần khoa học là một chuỗi dài những kiểm chứng. Cứ mỗi lần chứng nghiệm có kết quả là một lần củng cố thêm đức tin, lòng thêm hăng say tu hành. Đồng thời kết quả tu chứng đưa ta tiến lên và tiến gần tới hơn một bước về phía bờ giác. Cứ mỗi bước chứng nghiệm có kết quả là ta tiếp thụ thêm được nhiều hơn ánh sáng chơn lý để phá cho mỏng hơn nữa lớp màn vô minh.

Kinh Veda của đạo Bà La Môn (Ấn Độ Giáo) dạy rằng: *Khi con người đã chứng nghiệm chơn lý, đã cảm nhận được chơn lý nơi thân tâm của mình, bấy giờ tất cả những mối nghi*

ngờ mới có thể bắt đầu tiêu tan, vô minh mới chấm dứt hẳn, mọi tà vạy mới có thể sửa đổi.

4. Cơ sở của đức tin tập thể

a. Tạo điều kiện cho đạo hữu có cơ hội học hỏi, suy tư, chứng nghiệm

Người tín đồ cần phải đọc kinh sách, đọc hiền truyện, học tập thánh ngôn, thánh giáo. Như thế chẳng khác nào chiếc đèn dầu luôn được châm thêm dầu, như bếp lửa luôn được chụm thêm củi, bỏ thêm than. Đó là lý do Ôn Trên luôn dạy hàng chức sắc, chức việc lãnh đạo thánh sở hãy luôn luôn quan tâm khuyến khích, hướng dẫn, tạo điều kiện cho đạo hữu của mình được tiếp thêm đạo lý qua các buổi thuyết minh giáo lý vào các kỳ sóc vọng hàng tháng, hoặc lập tủ sách đạo tại thánh sở cho tín hữu mượn đọc.

Thực trạng là trong cộng đồng Đại Đạo tới nay vẫn còn nhiều nơi chưa quan tâm đến bốn phận “châm dầu” cho ngọn đèn đức tin của đạo hữu. Điều này đã được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhắc nhở từ mấy mươi năm trước:

“Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất dầu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chẳng?”⁽⁴⁾

Với trách nhiệm “châm dầu” cho bốn đạo sở tại, các chức sắc, chức việc còn nên đặc biệt lưu ý tới lớp trẻ, là các thanh thiếu niên. Điều này rất hệ trọng, vì:

* Huấn luyện, dạy giáo lý cho thanh thiếu niên tức là xây dựng cơ sở chánh tín cho lớp đàn em, thoát ra khỏi tình trạng

⁽⁴⁾ Thiên Lý Đàn, 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969).

là con cái theo đạo Cao Đài chỉ vì cha mẹ là người đạo Cao Đài, chứ bản thân các em chưa có ý thức để chọn lựa. Những em theo đạo như thế, dễ rơi rụng mà bỏ đạo một khi bị thử thách.

* Tạo cơ sở chánh tín cho thanh thiếu niên tức là tạo điều kiện cho người lớn vững niềm tin nơi tương lai, nơi tiền đồ nền Đại Đạo. Người ta vẫn nhứt trí với nhau rằng muốn biết tương lai một dân tộc thế nào, hãy nhìn thế hệ trẻ của dân tộc đó. Đối với đạo Cao Đài cũng vậy.

* Nhiều thánh sở hiện nay than vãn là thiếu lớp trẻ kế tục trong lúc lớp già ngày một mòn dần. Cảnh đáng tiếc này nào phải hậu quả một sớm một chiều, mà nó ắt phải xảy ra bởi vì trước kia lớp đàn anh không lo “trông người”, tức là không lo vun bồi cho lớp đàn em tiếp nối.

b. Nêu gương vững đức tin và lòng chí thành hăng say hành đạo

Trong những giai đoạn cơ Đạo bị thử thách gay go, con thuyền Đạo chòng chành cùng cuồng phong sóng dữ, thì cộng đồng tín đồ hay đạo hữu vẫn được vững lòng, kiên cố đức tin khi nhìn thấy lớp đàn anh hướng đạo chẳng những giữ được phong độ tiêu sái của người tu hành giải thoát, mà còn tỏ ra là những tay lèo lái vững vàng, kinh nghiệm.

c. Xây dựng đức tin cho người bên ngoài cộng đồng Cao Đài

Với cách tu hành theo tinh thần khoa học là vừa học tu vừa kiểm chứng như trình bày trên đây (phần *văn, tư, tu*), người đạo chúng ta chắc chắn không bị ai phê phán là mê tín dị đoan, là yếm thế tiêu cực. Những hàng trí thức ngoài đời ắt phải nể nang và cảm mến khi chứng kiến cách tu nhập thế, đem Đạo vào đời:

*Đạo đức sửa sang cõi thế trần
Cội nguồn non nước khắp thôn lân
Gia đình xã hội nên lương thiện
Nào phải chỉ tu với Thánh Thần.⁽⁵⁾*

Để phổ độ nhơn sanh, có hai cách là thuyết và hành. Thuyết cho người đời hiểu rõ, và hành để làm chứng cho người thấy rõ mà tin theo.

* *Thuyết*: Thượng Đế và các đấng Giáo Chủ mỗi khi mở Đạo và dạy Đạo còn phải tùy theo không gian và thời gian, tùy theo trình độ tiến hóa của nhơn loại. Chúng ta muốn phổ độ nhứt định cũng phải noi theo gương các Đấng. Phải ý thức ta nên nói điều gì, và nói cách nào. Đây cũng là ứng dụng việc tu và học của chúng ta.

Trong chỗ *thuyết đạo*, cần phải uyển chuyển, linh hoạt. Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Các em nên nhớ trần gian vạn bệnh nan y, thì những lương y, bác sĩ cần phải đối chứng lập phương chớ không thể dùng một toa thuốc gia truyền mà chữa bệnh được. Đạo là năng phương, năng viên, ủy khúc tùy hình để giúp người nên Đạo đầy các em ạ.”⁽⁶⁾

Thuyết đạo thành công hay không cũng do “nội lực” của người thuyết. Nếu người nói không hơn người nghe, người tu không hơn người chưa tu, thì người nghe và người chưa tu làm sao “tâm phục, khẩu phục”. Thuyết đạo cũng dễ gặp người nghe khác quan điểm tranh luận, thì người thuyết cần có cái tâm mát mẻ. Mát mẻ được nhiều hay ít cũng do “nội lực” tu luyện, công phu hàm dưỡng của người nói đạo.

⁽⁵⁾ Đức Đô Thông Quản Địa Thần, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hội (13-02-1971).

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Bính Thìn.

* *Hành*: Bản phận của người Cao Đài nói chung là chứng minh sự lợi ích, vẻ đẹp và nét thanh cao của đời sống tâm linh; chứng minh giá trị của nền tôn giáo, của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Người bên ngoài cộng đồng Cao Đài nhìn vào nếp sống của chúng ta, của gia đình chúng ta, cách ăn ở xử thế của chúng ta, xem coi trong đó có được nét thanh cao đẹp đẽ nào không, có gì gọi là hạnh phúc tâm linh chăng.

*

Tóm lại, có ba điều chúng ta cần quan tâm trong đời tu hành của mình:

* Về *cá nhân*, người tín đồ cần học hỏi, đọc nhiều kinh sách, nghiên cứu thánh ngôn, thánh giáo rồi kiểm chứng để củng cố đức tin, làm cho đức tin ngày càng tăng trưởng và vững mạnh.

* Về *tập thể*, Hàng Thiên ân chức sắc, chức việc có sứ mạng nên nêu gương, và tạo điều kiện giữ vững ngọn lửa đức tin cho đồng đạo. Ngọn lửa đức tin là ngọn lửa nhiệt tình với Đạo. Lòng người như tro lạnh khi lửa đức tin đã tắt. Một thánh thất, thánh tịnh thường đóng cửa, ít sinh hoạt cũng khiến cho mọi người cảm thấy lạnh lẽo vì thiếu sinh khí. Một thánh sở thường xuyên có tín đồ tới sinh hoạt, có mở lớp dạy giáo lý cho các lứa tuổi khiến cho mọi người cảm thấy ấm cúng...

* Cá nhân và tập thể Đạo đều biết xây dựng đức tin, tu tiến và hành đạo sáng suốt, khoa học, thì đây là cơ sở tạo nên đức tin cho thể nhân, là điều kiện góp phần hoằng khai Đại Đạo.

Trên Thiên Bàn chúng ta có cây đèn Thái Cực, là ngọn đèn

dầu phải để sáng liên tục. Do đó mỗi ngày bốn lần cúng thời, chúng ta đều phải lưu ý thăm chừng để lau chùi bóng đèn, kê tim đèn, mà nhất là không quên châm dầu cho đầy đủ để nuôi dưỡng ánh lửa tượng trưng tâm đặng của chúng ta. Mỗi khi chăm sóc đèn Thái Cực như vậy, xin nhớ lời Thầy dạy:

Đức tin như cái đèn dầu

Đèn mà không cháy tại dầu khô khan.⁽⁷⁾

Và chúng ta đừng quên châm dầu cho chính ta, cho đồng đạo ta, cho người bên cạnh chúng ta đang quan sát cách chúng ta tu hành.

*Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà
24-6 Đình Tỵ (08-8-1977).*

⁽⁷⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài “Đức Tin”.

THOÁT NẸO LUÂN HỒI

Nếu có ai đó đến viếng một tịnh trường Cao Đài và hỏi chư đạo hữu chúng ta hằng ngày chuyên cần công phu, trì hành đạo pháp để làm gì, người bạn đó sẽ được nghe bày tỏ rõ ràng, dứt khoát: “*Để thoát nẻo luân hồi, trở về nguyên sơ căn bản.*”⁽¹⁾

Thoát nẻo luân hồi có nghĩa là không còn xuống lên, lên xuống cõi hồng trần này nữa.

1. Vì sao quyết tâm tu để thoát nẻo luân hồi?

Đây là sự quyết tâm của người tu hành giác ngộ biết phân biệt cõi tạm vô thường lắm truân chuyên với cõi hằng thường miên viễn bất lụy phiền.

Đức Quán Pháp Chơn Tiên,⁽²⁾ sau ngày công đầy quả đù, trở về thượng giới đặc vị Chơn Tiên, đã giáng đàn hàn huyền, diễn tả:

*Thoát được rồi về nơi u nhã
Chốn Thiên Đình cảnh lạ đẹp xinh
Phải đâu như ở thế tình
Nay buồn mai thảm, tháng kinh năm sầu.*

Ngài dạy tiếp:

⁽¹⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn, Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn.

⁽²⁾ Thế danh Lê Ngọc Trang, thánh danh Bạch Tuyết, là ái nữ tiền khai Ngọc Đầu Sư Lê Văn Lịch.

*Thầy ban ngôi báu chốn Thiên Cung
Triệu ức huyền công phép lạ lùng
Trùng điệp kỳ quan nhìn bất tận
Hằng hà vị Thánh đếm không cùng
Nguy nguy Bạch Ngọc Tòa Tam Giáo
Diệu diệu Huyền Khung sắc Cửu Trùng
Rực rỡ hào quang soi vạn dặm
Tuồng vân tô điểm cõi Thiên Cung
Ở đây tuyệt tuyệt không già trẻ
Ở đó vô vô bất lụy phiền
Thế giới Phật Tiên muôn cảnh lạ
Trần gian nào sánh hời chư hiền!*

Ngoài cảnh lạ đẹp xinh mà thế gian không sánh được, còn một lý do sâu sắc hơn thôi thúc hành giả trên bước đường tu để sớm trở về nguyên sơ căn bản: đó là tình cảm của đàn con hiếu thảo đi xa lâu ngày chạnh lòng nhớ Mẹ, thương nhớ Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu, thương nhớ Đấng Vô Cực Từ Tôn mỗi mồn chờ trông con trẻ:

*Đem tình VÔ CỰC rải muôn phương
Con hỡi! TỪ TÔN mãi nhớ thương
Soi bóng DIÊU TRÌ tìm bóng trẻ
MẪU NGHI vì trẻ giáng canh trường.⁽³⁾*

Có lần Đức Mẹ thúc bách kêu gọi:

*Hỡi tàng linh ơi! Hỡi tàng linh!
Có nhớ quê xưa chốn Ngọc Đình
Quay gót mau về nơi cựu vị
Thôi đừng dan dứ kiếp phù sinh.⁽⁴⁾*

⁽³⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Đinh Tỵ.

2. Phương tu thoát nẻo luân hồi

Phương tu thoát nẻo luân hồi của đạo Cao Đài là phương pháp Tam Công. Nhưng bài này không trình bày nội dung kinh điển của tân pháp Tam Công, mà chỉ làm nổi lên một số điểm thực tế xét thấy hữu ích, có liên quan tới công quả, công trình, công phu.

Muốn không còn bị chi phối bởi luật luân hồi nhơn quả, muốn không còn phải xuống lên xuống sau khi nhắm mắt lìa đời, điều kiện tiên quyết là phải quyết tâm gìn giữ luật và trực tấn tu hành để hội đủ điều kiện được giải thoát, không phải tu theo kiểu câu giờ, câu ngày câu tháng.

- Phải *công quả* đủ đầy để trả nợ tiền khiên, đoạn trừ nghiệp lực.

- Phải *công phu* chuyên cần và *công trình* tinh tấn, nhằm lắng lòng thấy Tánh, theo lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*Hãy tịnh định, chí thành tu tiến
Tịnh định rồi phát hiện Thánh Tâm.*⁽⁵⁾

Mà hễ “*Con có Thánh Tâm sẽ có Thầy*”.⁽⁶⁾

*

Nói thì ngắn gọn như thế, nhưng để thực hiện thì thực tế đòi hỏi rất nhiều cố gắng.

Đạo pháp dù có thâm diệu mà nếu hành giả biếng nhác thực hành thì không sao đạt kết quả. Muốn tu thoát nẻo luân

⁽⁴⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn, Trúc Lâm Thiên Điện, 06-01 Ất Ty (07-02-1965).

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 24-4 Nhâm Tý (13-6-1972).

⁽⁶⁾ Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty.

hồi thì trước hết phải giải thoát mình khỏi thói quen lười biếng. Đức Mẹ dạy:

“*Hãy thắng mọi sự lười biếng tập tục của dĩ vãng.*”⁽⁷⁾

Hành giả đừng vội ước mơ đạt những nấc thang cao của đạo pháp, nếu chưa trừ được thói quen lười biếng.

Qua lời dạy của Đức Mẹ thì lười biếng là tập tục của dĩ vãng. Nay bước vào trường Thiên Đạo đại thừa nên dứt khoát siêng cần trì hành đạo pháp. Thử bàn qua một hiện tượng: tịnh viên nào trong mỗi thời công phu thỉnh thoảng còn đưa tay lên xem đồng hồ, đó là dấu hiệu của tính lười biếng, vì còn trông mau tới giờ xả tịnh! Tịnh viên nên tập thói quen bước tới sàn thiền tay chẳng đeo đồng hồ để khỏi bị tính lười biếng cám dỗ, sai khiến. Nội quy tịnh trường nào không cho tịnh viên đeo đồng hồ trong giờ công phu, đó là một ưu điểm giúp tịnh viên tự giải thoát khỏi tật xấu.

*

Nhưng kết quả công phu không phải nhờ vào số giờ, số ngày, số năm ngồi tịnh, mà trong thời gian hành pháp chủ yếu cần giữ được tâm an, thần định. Nói cách khác, nếu hành giả siêng năng giữ đúng tứ thời công phu (có người còn tịnh thêm giờ phụ) mà trong mỗi thời, thấy ngồi đó mà tâm thả rong chơi xa ngàn dặm thì cũng chẳng ích gì.

Kết quả của công phu chủ yếu là nhờ giữ được cái tâm không phóng ngoại. Đây là bài học khó mà cũng rất thú vị của mỗi thiền sinh. Chẳng phải đợi khi ngồi vào sàn thiền mới chú ý giữ gìn cái tâm. Hễ nó phóng đi thì lo thu hồi nó về. Nói thế chớ nào phải dễ! Lắm khi thu hồi nó về được một

⁽⁷⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn, Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Ty (01-5-1965).

chập, nó bèn nhớ... thí dụ như nhớ cái quán cà phê video mà nó thích, nên rón rén phóng đi nữa! Trong một thời công phu mà cứ lo rượt bắt cái tâm hoài thì còn gì là tịnh, là thiên! Thế cho nên sách *Dưỡng Chơn Tập* có đề ra phương pháp thuần hóa cái tâm:

Thánh Nhân trong *Dưỡng Chơn Tập* không tán thành cách nói “cột cái tâm” như một số người thường nói. Bài 43 về chữ *Quán* viết:

“Con người từ khi thức dậy, lo lắng cả ngày, thiệt có biết cái tâm đi hướng nào đâu. Hoặc có kẻ biết cầm nó lại, mà hay dùng cách cưỡng chế, cưỡng chế thì trở lại nó hại cho tâm mình.”

Dưỡng Chơn Tập đề xướng phương pháp *Tồn dưỡng cái tâm, thuần hóa cái tâm*. Bài số 44 về *Tồn Dưỡng* viết:

“VẬY phải làm sao cho tâm thường chẳng đi ra ngoài. Chỉ nhờ tập cho nó quen tánh mà thôi. Thường thấy người ta nuôi loài chim rừng, tuy nó chẳng phải là loài thú nhà, mà vì nuôi lâu nó quen, thả ra nó cũng không chịu đi. Huống chi cái tâm là món vật ở trong thân ta, dưỡng cho nó quen rồi, thì có lẽ nào nó còn muốn đi đâu nữa.”

Ứng dụng phương pháp tồn dưỡng cái tâm, thuần hóa cái tâm, tập cho con khi của mình quen tánh theo ý muốn của mình, hành giả hãy tập cho nó thích thú lần quần trong khuôn viên đạo lý và đạo pháp, đừng tạo điều kiện cho nó rong chơi xa, đừng tạo điều kiện cho nó sống vào rừng.

Ngoài tứ thời công phu, nên siêng đọc thánh giáo, đọc thánh kinh hiền truyện, khảo cứu, viết bài thuyết đạo, v.v... Chuyên tâm miệt mài học đạo lý và đạo pháp tức là dẫn dụ cái tâm lần quần trong khuôn viên của đạo lý và đạo pháp, không để cho nó lạc lõng đi xa.

Nếu sau giờ công phu lại vội đọc tỉ mỉ những bài báo viết về chuyện gạt tình gạt tiền, chuyện cảnh sát hình sự tổ chức bắt cướp, cảnh sát kinh tế bắt buôn lậu, chuyện nhậu say rồi phạm cang thường đạo lý, hay xem video với những cảnh éo le khiến tâm người xem phải dao động ray rứt, v.v... đó là tạo điều kiện để tâm viên ý mã chạy vào rừng hoang.

Khi tâm đã thuần hóa, hành giả sẽ chẳng còn thích đọc những sách báo không bổ ích cho đời sống tu hành của mình. Đọc báo hằng ngày thì chỉ lướt qua các nhan đề, chọn bài mà đọc. Đối với người quyết tâm tu giải thoát thì tỷ lệ thời gian đọc sách báo ngoài đời, dù là loại sách đứng đắn, phải thấp hơn, thấp hơn nhiều so với thời gian đọc kinh sách và thánh ngôn, thánh giáo. Người nào còn thích, còn chấp nhận một tỷ lệ ngược lại, đó là người chưa quan tâm tới việc tồn dưỡng cái tâm.

Sách *Dưỡng Chơn Tập*, bài 40 về chữ *Kinh* viết:

“Kinh là chủ nhứt, nghĩa là chủ ý tưởng vào một việc mà thôi. Ai chủ nhứt được thì tâm chuyên, thần định.”

Sách *Dưỡng Chơn Tập*, bài 44 về *Tồn Dưỡng* viết tiếp:

“Cái công phu của người học đạo là phải một ngày một thêm cẩn mật, một giờ một thêm cẩn mật, lâu ngày được thuộc quen, thì chừng đó mới cùng Đạo hiệp làm một vậy.”

Xem trường hợp một con thú được thuần hóa, chẳng những nó biết tuân phục mà còn mến luyện chủ nó. Tâm con người cũng thế, được thuần hóa, nó sẽ tuân phục và mến luyện nếp sống tu hành.

Bài học thuần hóa cái tâm là kinh nghiệm thực tế của thánh nhân, hành giả nào quan tâm thực hành sẽ giải quyết được bài toán khó *tâm viên ý mã*.

Trên đường tu giải thoát, hành giả nào đạt được trạng thái

tâm thuần thần định, chính là đã đạt được điều kiện chủ yếu để lần lượt bước lên các nấc thang đạo pháp một cách hiệu quả, thực hiện được *ngũ khí triều nguồn, tam huê tụ đánh*, để phản bổn huồn nguyên, giải thoát linh hồn, thần của người sẽ hiệp cùng thần của Trời làm một (Thiên nhơn hiệp nhất) đúng theo lời dạy của Đức Chí Tôn thuở ban sơ lập đạo Cao Đài:

“*Thầy đến đặng huồn nguyên chơn thần cho các con đắc đạo.*”⁽⁸⁾

3. Tính tương tác tương trợ của Tam Công trên đường tu thoát nẻo luân hồi

Nhưng đường tu thoát nẻo luân hồi là con đường tánh mạng song tu, tức tu tánh luyện mạng song song, bước tiến bộ mặt này hỗ trợ cho bước tiến bộ mặt kia, và ngược lại.

Thế cho nên người tu giải thoát không thể chỉ lo công phu thực hành đạo pháp để luyện mạng mà không chú trọng công trình luyện kỹ, tức lo tu sửa, thanh lọc thân tâm để linh hồn được mở mang tiến hóa, nhờ mở mang tiến hóa mà nó được khai phóng khỏi sự nhỏ hẹp nặng nề của phàm ngã.

Vấn đề luyện kỹ hay tu tánh trong Tam Giáo, dù có dùng thuật ngữ đôi khi khác nhau hoặc diễn tả khác nhau, nhưng chung quy đều cùng một tiến trình tập rèn làm chủ cái tâm, tự giải thoát khỏi vòng nô lệ bị phàm tâm, nhân dục chi phối, lung lạc, sai khiến.

Lưu ý tới tính tương tác tương trợ giữa ba mặt Tam Công hành giả nhận thấy rõ rằng nếu công phu giúp bước công trình tiến bộ, thì một khi tiến bộ rồi, công trình sẽ tác động trở lại giúp công phu dễ dàng thăng tiến. Bước vào ngòi thiên với một tấm lòng tự tại, sáng khoái láng láng, thì phút giây hội

nhập thật mau đến. Ngược lại, nếu công trình luyện kỹ còn chậm tiến, lòng còn vương mắc giận ghét, buồn phiền, thì phút giây hội nhập chậm đến là lẽ đương nhiên, lắm khi suốt buổi thiền hành giả không sao tìm được trạng thái hội nhập.

Công trình luyện kỹ đòi hỏi nơi hành giả sự quyết tâm và nhiều cố gắng để tránh sự trì trệ và sự trì kéo ngược chiều của nhân dục. Nhưng chúng ta hữu phước, không những được thánh nhân từ xưa nêu gương mẫu mực, dùng văn tự tượng hình để dẫn đường chỉ lối mà ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ, còn được Thầy Mẹ và chư Phật, Thánh, Tiên sẵn sóc, dạy dỗ.

Đức tính, hay con đường đặc vị của những bậc Thánh, Tiên, Phật được chữ nghĩa Thánh Hiền mô tả như sau:

- Chữ *THÁNH* 聖 gồm chữ *nhĩ* 耳 (tai) + *khẩu* 口 (miệng) + *vuơng* 王 (vua, người làm chủ)

Ý nói rằng trên đường thánh hóa mình, muốn đắc Thánh, con người phải biết làm chủ tai mắt (nói rộng ra là làm chủ ngũ quan), chế ngự nhân dục; tai chỉ nghe, miệng chỉ nói những điều hợp đạo. Thánh là những người mà đời sống hoàn toàn phù hợp với Thiên Tính, Thiên Lý. Đến lúc lòng riêng chẳng còn, niềm tây đã sạch, những vị ấy trở nên một tấm gương phổ quát cho nhân thế soi chung.

- Chữ *TIÊN* 仙 gồm chữ *nhơn* 亻 (người) + *son* 山 (núi), tượng trưng cho người có được trạng thái thanh tịnh, thường tịnh, thường định, vững vàng như núi, không gì lay chuyển làm cho lo buồn hay hốt hoảng.

Xin trích thêm đoạn thánh giáo sau đây của Đức Mẹ để minh họa thêm đức tính thanh tịnh của môn đệ Tiên gia:

“*Các con (...)! Mẹ đã cảm thông những gì đến với các con (...), lúc vui cũng như lúc buồn, khi dễ cũng như khi gặp cảnh*

⁽⁸⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I. Đan ngày 25-02-1926.

khó khăn. Tất cả dữ kiện đưa tới đều là hữu ích cho các con. Hãy bình tâm tiếp nhận và phải sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề. Tâm có vô tư yên lặng, dầu ở chỗ phong ba bão tố cũng vẫn thấy yên lặng như mặt nước hồ thu. Còn tâm thiếu vô tư yên lặng, dầu đóng cửa tịnh phòng vẫn thấy biết bao nhiêu hiện tượng ồn ào dấy động đó các con.”⁽¹⁾

- Chữ **PHẬT** 佛 gồm chữ *nhơn* 亻 (người) + *phát* 弗 (đẹp bỏ, quét sạch). Ngụ ý muốn thành Phật, hãy dẹp bỏ cái ta, quét sạch phàm ngã, sống vô ngã, quên mình vì người.

Người quyết tâm tu giải thoát cần học tập tư tưởng của chư Phật, Thánh, Tiên. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng trọn lành, thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.”⁽²⁾

*

Chúng tôi mong rằng mấy điều thực tế vừa trình bày trên đây có thể góp được phần hữu ích cho một số đạo hữu trên bước đường tu thoát nẻo luân hồi. Xin tóm lược:

1. Phải nghiêm chỉnh bản thân, giữ giới luật và trực tấn tu hành, không giải đãi.

2. Áp dụng phương pháp thuần hóa cái tâm để công phu đạt kết quả.

3. Tinh tấn trên đường tu thân luyện kỹ, ra khỏi trận đồ của phàm tâm, nhân dục, hoàn thành hai nẻo *tánh mạng song tu*.

27-6-1993

⁽¹⁾ Chơn Lý Đản, 15-6 Nhâm Tý (25-7-1972).

⁽²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

TU GIẢI THOÁT THEO TAM CÔNG

1. Thế nào là giải thoát?

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“*Sự giải thoát không phải đợi đến rũ bỏ nhục thể linh hồn mới được giải thoát. Ngay lúc sinh thời, ai ai cũng có thể thực hành phương pháp giải thoát. Câu ‘Cư trần bất nhiễm’ đã hàm ý cho định nghĩa ấy rồi. Nếu đợi ngày rũ bỏ nhục thể, lấy gì chứng minh rằng được giải thoát cùng không? Nếu như thế thì Thiêng Liêng không khuyên bảo người đời đem đạo vào đời, giáo đạo để cho tất cả mọi người trọn tốt trọn lành để an hưởng cõi thiên đường cực lạc tại thế gian. Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng trọn lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.*”⁽³⁾

2. Giải thoát cái gì? Giải thoát cách nào?

Chủ yếu là giải thoát cái tâm “*để cõi lòng mình được mở rộng thênh thang, không có gì đóng khung ngăn cách, đó là mình đã giải thoát từng phần một trên cuộc hành trình tìm bến khởi nguyên rồi vậy.*”⁽⁴⁾

⁽³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽⁴⁾ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 16-1 Bính Thìn.

Giáo lý Cao Đài giải thoát người tu ra khỏi cái vỏ ốc tôn giáo, vươn lên tầm vóc Đại Đạo, để con người biết “ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,”⁽⁵⁾ biết “vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.”⁽⁶⁾

Tâm giải thoát là cái tâm phá hết mọi sự chấp ngã chấp nhơn, chấp Đạo chấp Pháp. Tất cả đều không chấp, không vướng bận. Phá chấp tất cả sắc tướng hình danh. Phải dày công tu tập ngay từ bước đầu, vì còn chấp là còn lấy dây tự trói buộc mình trong phạm vi hạn hẹp.

Tâm phá chấp là tâm được giải thoát khỏi buồn phiền, khỏi mọi trái ngang của hoàn cảnh. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề, như cá trong nước như rồng trong mây, có thể hòa hợp tâm linh trong vũ trụ, cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện tại. Từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có. Đó cũng là phương giải thoát.”⁽⁷⁾

Phá chấp để tiến hóa, phá chấp để giải thoát, ai cũng nghe bảo thế, ai cũng nói thế, nhưng phần nhiều ai cũng nê chấp. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“... về đạo tâm và tín ngưỡng phần đông rất tốt, nhưng

⁽⁵⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

⁽⁶⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

⁽⁷⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn.

phần chấp ngã chấp tha còn quá nặng. Cố gắng tập làm sao cho cõi lòng mở rộng, bác ái với tha nhân thì quý lắm. Việc tập luyện ấy ban đầu hơi khó, nhưng nhiều ngày sẽ thành thói quen.

Hãy xem bình tích nước trà. Mỗi lần châm trà, đem súc bình không thấy dính chi trong lòng bình tích, nhưng lâu ngày sẽ thấy màu trà đóng bên trong, rất đổi lau chùi mạnh tay cũng khó ra. Sự tập luyện nội tâm cũng vậy. Muốn tập thì nên hành phương pháp giản dị sau đây:

Khi nào muốn phê bình chỉ lỗi một người nào, tự xét coi đời mình có lần nào lâm vấp lỗi ấy không. Nếu có hãy tha thứ cho họ. Khi nào trong lòng cảm thấy giận hờn, buồn tức người khác, tự vấn lương tâm hỏi coi mình có cần sự an ủi vỗ về với lời dịu dàng, trù mến trong tinh thần xây dựng hay không. Nếu cần, hãy tha thứ và hãy dùng các biện pháp ấy để giúp người đó.

Cố gắng tập rèn mãi mãi. Khi gặp một cảnh ngộ nào xảy đến, phải tập cho lòng mình có chút trắc ẩn, xót thương, tội nghiệp giùm cho người ấy. Sau thời gian lâu ngày, tự nhiên thấy lòng mình từ ái vô biên, thanh cao mát mẻ. Từ đó, thể hiện lên nét mặt dễ kính dễ mến, dễ gây thiện cảm với mọi người.

Trong một tập thể, như là tập thể người tu, nếu mỗi người tập được như vậy, bầu không khí từ ái sẽ bao trùm một vòm trời không nhỏ vậy.”⁽⁸⁾

Một cách hoàn chỉnh và đầy đủ, đường tu giải thoát của Cao Đài dựa trên phương pháp Tam Công (công quả, công trình, công phu).

⁽⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

Tuy nói là Tam Công, nhưng thường được xem như có hai bước, và khi có được ít nhiều tiến bộ rồi thì chỉ còn là một bước hành công gồm đủ cả ba phương diện.

Tại sao Tam Công mà hai bước?

Đức Giáo Tông dạy:

“Từ nay chớ hiền đệ, hiền muội cần tu cần học, cần công quả, công phu để tạo một công trình trên chánh đạo hầu hòa đồng như thế.” ⁽⁹⁾

Như vậy, công trình (luyện kỹ) là nhờ công quả và công phu tác động, tạo nên. Nói cách khác, nếu chẳng lo công quả, công phu, thì khó mà luyện kỹ, hoàn hảo hóa bản thân mình được.

Khi bước vào cửa đạo, người tu hành thường bắt đầu tập tành làm công quả trước, rồi sau mới bước thêm bước công phu, thế nên gọi là có hai bước. Nhưng trên bước đường hành công, hành giả cảm nhận ngày càng rõ rằng cả ba (công quả, công trình, công phu) đều tác động qua lại, hỗ trợ cho nhau giúp hành giả tinh tấn. Ngay phần công trình luyện kỹ, tuy nhờ công quả, công phu tác động nên, nhưng một khi đã tiến bộ rồi thì chính công trình cũng tác động trở lại, thúc đẩy làm tăng gia tốc cho công quả và công phu.

Trước khi dẫn chứng cụ thể mối tương tác giữa ba mặt Tam Công để đưa người tu hành tinh tấn trên đường giải thoát, xin phân tích sơ qua mỗi mặt hành công:

a. Công quả được hiểu một cách phổ biến là xả thân giúp đời, phục vụ nhơn sanh về ba mặt dân sanh, dân trí, dân đức. Hiểu một cách bình dân, công quả là làm công việc xã hội, từ thiện; thí tài giúp người hoạn nạn, khốn khổ, nghèo đói; thí

pháp giúp người hung ác trở về đời sống hiền lương, v.v...

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, người tín đồ Cao Đài còn có cơ hội làm một công quả trọng đại, ngoài nội dung công quả thông thường vừa kê trên. Đó là công quả vừa phục vụ nhơn sanh, vừa phụng sự cơ quy tam hiệp ngũ của trời đất, góp phần tạo thế nhơn hòa cho nguon hội mới.

Qua thánh giáo, chúng ta biết rằng thiên địa đang ở vào thời kỳ hạ nguon mặt kiếp, định luật tiến hóa đang vận chuyển, sàng sảy, thanh lọc toàn bộ hàng ngũ nhơn sanh để bước sang một chu kỳ tiến hóa mới, tức chu kỳ thánh đức. Chỉ những phần hồn nào có trình độ hòa đồng hòa ái, không còn phân biệt, đổ kỵ màu da, chủng tộc, tôn giáo, đảng phái, giai cấp xã hội, v.v... những phần hồn này mới được tuyển chọn vào kỷ nguyên thánh đức.

Người tín đồ Cao Đài không những tu để tự giải thoát mình khỏi cơn sàng sảy thanh lọc vừa nói trên, mà còn có một công quả lớn phải làm là giúp đồng bào, giúp nhơn sanh hiểu biết về cơn sàng sảy đó, tự dọn mình tiến tới giai đoạn xã hội hòa đồng thanh nhẹ, tốt đẹp, hạnh phúc.

Công quả rất cần cho người tu. Bởi mỗi người đều có nhân duyên nghiệp quả riêng, việc xả thân giúp đời có tác dụng giải trừ nghiệp chướng, cho nghiệp thân sớm được trả xong, cho việc tu giải thoát sớm thành công.

b. Công trình là con đường hướng thượng về mặt tu thân lập hạnh, đưa con người:

- Thoát nẻo hẹp của vị kỷ để bước ra đường lớn rộng của vị tha;
- Thoát chỗ thấp của ngã chấp để vươn lên chỗ cao của phá chấp;
- Thoát bản tính yếu hèn buông thả, thuận hành theo thất

⁽⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Mậu Ngọ.

tình lục dục, để trở thành giàu nghị lực, nghịch hành chống điều cám dỗ;

- Thoát cảnh u mê, tầm tối để ra nơi sáng suốt, khôn ngoan;

- Thoát tẻ biếng nhác, ngã lòng để trở thành kiên nhẫn, trì thủ, tu hành bất thối chuyên...

Công trình là kết quả của sự chú tâm tu tập để con người ngày càng có văn có chất, có đời sống thanh cao đạo đức. Nói quyết tâm trau dồi đức hạnh, nhưng chẳng phải đơn giản nói quyết tâm là làm được, nếu không nhờ thành tựu của công quả và công phu. (Chúng ta sẽ trở lại minh chứng điều này ở đoạn dưới đây.)

c. Công phu hay tham thiền, tịnh định là “*để ngăn ngừa sự vọng động nội tâm và để cho lòng được ổn định, thanh tịnh, trước là dưỡng sinh, sau là thông công cùng thượng giới.*”⁽¹⁰⁾

Nói tới công phu, tức là đề cập tới Đạo Pháp và thực hành Đạo Pháp. Chỗ linh diệu của Đạo Pháp vô vi màu nhiệm ra sao, thì các bậc thiện duyên nhờ hành công đúng mức mà chứng đắc, tự chứng nghiệm, lần lần nắm bắt được chỗ huyền nhiệm vô vi đó. Ấy là khi Đạo Tâm đã khai, Thánh Tâm đã hiện, đã thông công được cùng Thượng Đế.

Công phu được hành đúng mức thì tác dụng thật to lớn, hỗ trợ cho công quả, bồi đắp cho công trình.

- Đối với công quả thì công phu giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề, hành đạo cho đúng Thiên lý. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“... các Đấng không chỉ khuyên tu để thành Phật thành

⁽¹⁰⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-4 Nhâm Tý (03-6-1972).

Tiên mà còn phải tạo điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thể Thiên hành đạo, phổ truyền giáo lý cứu độ nhơn sanh.”⁽¹¹⁾

- Đối với công trình thì công phu là: “*Tu luyện để có bửu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt, để giải quyết mọi vấn đề, hành đạo cho đúng Thiên Lý. Tu luyện để diện mạo được từ ái, khôi ngô; tướng đi đứng nằm ngồi thể hiện ra người có hạnh, trang nghiêm, từ ái, khiêm tốn để gây thiện cảm lòng tin với mọi người, mà đó cũng là sức hút của nam châm do các điều kiện ấy tạo nên.*”⁽¹²⁾

Trên bước công trình, vấn đề phá chấp là vấn đề mấu chốt, nhưt thiết phải nhờ tới thành quả của công phu.

Nội tâm thanh tịnh Đạo Tâm khai.⁽¹³⁾

Hãy tịnh định chí thành tu tiến

Tịnh định rồi phát hiện Thánh Tâm.⁽¹⁴⁾

Con có Thánh Tâm sẽ có Thầy.⁽¹⁵⁾

Hành giả nhờ có Đạo Tâm, có Thánh Tâm, có Thầy ngự trị trong tâm, sẽ nhìn người, nhìn sự việc bằng cái nhìn rộng rãi, bao la, từ ái của Đạo Tâm, Thánh Tâm, nên thoát vòng nê chấp và luôn động lòng trắc ẩn thương người.

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

⁽¹¹⁾ Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất (11-4-1970).

⁽¹²⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất (11-4-1970).

⁽¹³⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-01 Quý Sửu (11-02-1973).

⁽¹⁴⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 24-4 Nhâm Tý (13-6-1972).

⁽¹⁵⁾ Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty.

“Còn nói qua lãnh vực thiền định công phu, tham thiền tịnh luyện. Mỗi hành giả có được tu chứng đến đâu cũng đều do cái lý ấy mà ra. Trong hàng đạo hữu thường khi nghe nói đến lãnh vực thiền định công phu tu luyện thì đã nghĩ ngay đến vấn đề tạo Phật tác Tiên, thoát thai thần hóa. Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng chỉ mới đúng có phần nửa mà thôi, còn phần nửa kia phải hiểu rằng đó là yếu tố căn bản để giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhưng rẻ tiền, chỉ dụng nhiệt tâm trì chí là đạt thành tu chứng. Thứ nữa là nhờ pháp môn ấy để làm phương tiện chuyển hóa tâm hồn được thuần thành, khả ái do không chấp không cầu, không nề không lự. Hễ lòng người không chấp, cầu, nê, lự sẽ được phóng khoáng thuần thành, thơ thới vui tươi, khoan dung từ ái, ôn hòa phúc hậu. Đó là diện mạo của Thánh Nhơn tại tiền.”⁽¹⁶⁾

Lưu ý tới tính tương tác tương trợ giữa ba mặt Tam Công, hành giả nhận thấy rõ rằng nếu công phu giúp đạt trình độ phá chấp, tức giúp bước công trình tiến bộ, thì một khi tiến bộ rồi, tâm phá chấp, từ ái bao dung sẽ tác động trở lại giúp công phu dễ dàng thăng tiến. Bước vào ngòi thiền với một tâm lòng an nhiên tự tại, sáng khoái lâng lâng, thì phút giây hội nhập thật mau đến. Ngược lại, nếu công trình luyện kỹ còn chậm tiến, lòng còn vướng mắc giận ghét buồn phiền, thì phút giây hội nhập chậm đến là lẽ đương nhiên, lắm khi suốt buổi thiền hành giả không sao tìm được trạng thái hội nhập.

Giữa công phu và công quả cũng có sự tác động hỗ tương. Nếu công phu giúp khai thông mẫn tuệ, sáng suốt trên đường công quả hành đạo, thì ngược lại, nhờ công quả có tác dụng giải trừ nghiệp chướng mà bước công phu thoát vòng khảo

đào.

Giữa công quả và công trình cũng vậy. Kinh điển xưa nay dạy hãy tập bỏ thí để diệt trừ lòng bòn xén, ích kỷ. Ngược lại, khi lòng ích kỷ đã dẹp được rồi, thì chẳng phải chỉ là vấn đề bỏ thí, mà là cống hiến, là phụng sự, là đời sống vị nhơn sanh, lấy công quả làm niềm vui.

Phân tích tính tương tác tương trợ giữa công quả, công trình, công phu là để chúng ta ghi nhớ rằng đừng chỉ chăm lo công quả mà biếng nhác công phu, hoặc ngược lại, chuyên chú lo công phu mà chẳng lo công quả. Xin nhắc lại lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo:

“Từ nay chớ hiền đệ, hiền muội cần tu cần học, cần công quả, công phu để tạo một công trình trên chánh đạo hầu hòa đồng như thế.”⁽¹⁷⁾

3. Nhập thế để được thử thách, tôi luyện, nâng cao trình độ giải thoát

Thật rõ ràng rồi. Tu giải thoát chẳng phải là tiêu cực lẩn tránh cuộc đời hiện tại để hy vọng sẽ tìm kiếm được điều gì sung sướng hơn ở ngoài thực tế. Nếu viễn vông như vậy, thì chính người đi tìm có chắc gì tìm được, mà người đời nhìn vào hàng ngũ tu giải thoát kiểu đó sẽ chẳng thấy chỗ nào đáng gọi là Đạo.

Dấn thân vào đời, tích cực phụng sự đời là để trả nghiệp thân, đồng thời trên đường tu hành đương nhiên phải chịu điều thử thách, đó là phương tiện trui rèn người tu để nâng cao mức độ công trình, chịu khảo thí để xác định trình độ giải thoát. Khảo nghịch, khảo thuận, đều vượt qua được, đó là giải thoát.

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

⁽¹⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Mậu Ngọ.

Vậy người tu không tránh né đời mà dấn thân vào đời để nhờ lửa thử vàng mà biết được tuổi vàng, với phong độ nhập thế mà bất nhiễm thế. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Tuy nhiên, người tu hành có bốn phận vi nhơn. Nếu rộng ra thì vũ trụ là nhà, nhơn loại là anh em, mà tình là non sông cây cỏ. Thu hẹp lại là gia đình, xã hội, dân tộc. Đến lúc cấp thiết cũng lo đỡ vạc nâng thành cứu nước, như Vạn Hạnh Thiền Sư đời Lý, Phù Vân Quốc Sư thời Trần trong lịch sử nước nhà của chư đệ muội. Những vị ấy giúp đời mà không nhân ngã, không danh lợi, khi xong việc cũng hài cổ gậy tre, ung dung tiêu sái, nào có bận bã chi đâu.”⁽¹⁸⁾

Đây là những gương tu giải thoát, giải thoát ngay tại trần thế, mà sử sách đã ghi, người đời ca tụng là: *“Dầu danh lợi trước mắt, quyền uy trong tay, cũng vẫn xem như bọt bóng đầu gành, mây bay đỉnh núi.”*⁽¹⁹⁾

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

“Vậy chư hiền nên biết, đạo giải thoát ở đâu cũng có thể làm được. Giải thoát sự u trệ tâm hồn vị kỷ là tích cực phụng sự nhơn sanh, độ dẫn người đời. Giải thoát sự u ám tâm linh là quyết chí trau luyện cõi lòng theo chơn pháp cho thanh bạch. Khi mọi việc đã chu đáo đối với đạo với đời rồi, không còn phải lo ngại gì về sự khiếm khuyết ân hận nữa, thì ra đó đã là giải thoát trong những lối giải thoát.

THI

*Giải là cởi mở nghiệp căn qua
Giải ấy chùi lau sạch mị tà
Giải nợ hồng trần bằng tích cực*

⁽¹⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty.

⁽¹⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty.

*Giải vây tục lụy với xông pha.
Giải mê tư tưởng trong thanh sắc
Giải chấp tâm tình ở kỷ tha
Giải khổ nhờ tu, tu chánh đạo
Giải rồi thì sẽ thoát trần la.*

THI

*Thoát là tránh khỏi có gì đâu
Thoát được phiền ba thấy nhiệm mầu
Thoát hóa rằng không nhân sự phé
Thoát điều phi đạo mới tròn câu.*

Bản Đạo cốt yếu những ý tứ ấy, chư hiền đệ, hiền muội bình tâm suy nghĩ, soi rọi lòng hôm sớm để mạnh tiến trong giai đoạn hiện thời, làm đà chắc chắn cho những ngày liên tiếp.”⁽²⁰⁾

Sau cùng, xin gửi tới hàng thiện duyên lời khuyến tu của Đức Thái Thượng Đạo Tổ:

“Phải ráng trì hành chánh tâm chánh tín, tu đức tu công để tự cứu cứu tha trong thời gian sắp đến. Giống lành cố gắng rải gieo thì quả tốt ắt có ngày gặt hái. Minh tâm giác ngộ, sáng suốt ý thức đó là Thánh, là Tiên, là Phật, nhưng không phải chờ ngày thoát xác để đắc vị Tiên Phật trong ước mơ, mà phải ở ăn xử thế, đối nhơn tiếp vật cho ra người có phong độ, có nét na, có từ ái khoan dung đại độ, có thực hành bác ái vị tha ban vui cứu khổ cho đời. Đó là Phật tại tiền, là Tiên tại thế. Bao nhiêu đó đã nói rõ cái lý căn bản của Đạo rồi. Chư môn đồ hãy ý thức mà tu hành cho xứng phận kéo ủng kiếp làm người.”⁽²¹⁾

⁽²⁰⁾ Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽²¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Ất Mão (27-3-1975).

Tuân hành lời dạy của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, đương nhiên chúng ta cũng thực hiện được lời dặn dò của Đức Giáo Tông:

“*Chư đệ muội phải đạt đạo trong kiếp hiện sinh mà đừng bao giờ để chịu luân hồi nghiệp quả nữa.*”⁽¹⁾

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
15-02 Đinh Mão (14-3-1987)

HUYỀN NGHĨA THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC

Đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày rằm tháng Giêng có nhiều ý nghĩa quan trọng. Đây là ngày Đức Chí Tôn chọn để thành lập Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý (tên gọi lúc ban đầu) để trao phó sứ mạng cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (nay là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo). Hàng năm Cơ Quan chọn ngày này khai mạc Hội Trường Thuyết Minh Giáo Lý, là ngày đầu năm mới Cơ Quan hoan hỷ đón tiếp đạo tâm thánh giả các nơi.

Ngày rằm tháng Giêng cũng gọi là rằm *Thượng Nguyên*. (Phân biệt với rằm tháng Bảy và tháng Mười là rằm Trung Nguyên và Hạ Nguyên.)

Sách vở có khi gọi đầy đủ là *Thượng Nguyên Tứ Phước Thiên Quan Đại Đế Thắng Hội*. (Tứ Phước là ban phước. Thiên Quan là vị quan do Trời sai xuống. Đại Đế là tiếng tôn xưng một đấng thiêng liêng. Thắng Hội là lễ hội có tiếng hơn hết.)

Hay gọi là *Thượng Nguyên Thiên Quan Thánh Đản*. (Thánh Đản là ngày sinh, ngày vía một đấng thiêng liêng.)

Và thường gọi tắt là *Thiên Quan Tứ Phước*. (Vị quan nhà Trời xuống trần gian chăm lo cho dân, ban bố mọi sự tốt lành cho dân chúng sống ấm no, hạnh phúc.)

Vị quan nhà Trời đó, theo huyền sử, là vua Nghiêu (2357-2255 trước Công Nguyên). Ngài được xưng tụng là Thiên Quan Tứ Phước vì công đức Ngài ban rải cho chúng dân rất

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-01 Nhâm Tý (11-3-1972).

đổi to tát. Sử chép rằng vua Nghiêu rất thương dân. Ngài nói: *Thấy một người dân đói, ta thấy như là ta đói. Thấy một người dân rét, ta thấy như là ta rét. Thấy một người dân bị áp bức, ta thấy như là ta bị áp bức.* Vua Nghiêu cho đặt trống và bảng trước triều đình. Hễ ai muốn can gián khuyên cáo nhà vua thì tới đó đánh trống xin vào triều kiến, hoặc là viết lời gián nghị dán lên bảng.

Đọc *Nghiêu Điển* (một thiên dài trong *Kinh Thư* ghi chép sự việc thời vua Nghiêu), ta thấy người xưa khen sáu đức *Khâm, Minh, Văn, Tú, Cung, Nhượng* của vua Nghiêu đạt tới mức cực thịnh. Nghĩa là Ngài có tài trí, thông minh, sáng suốt, văn vẻ, đức hạnh, ý tứ, suy nghĩ sâu xa thấu lẽ, phân biệt chân giả, phân tách sự lý, thông hiểu được chí hướng của thiên hạ, làm nên việc cho thiên hạ, ban ơn đức rộng trùm bốn biển, cao thì lên tới tận trời, thấp thì trải khắp cùng mặt đất...

Xưa nay nhân thế còn nghe truyền tụng rằng vua Nghiêu không xem nghiệp đế là của riêng dòng họ mình, nên không truyền ngôi cho con, mà tìm người thường dân có đức có tài là ông Thuấn để truyền ngôi, giao việc nước.

Cần làm rõ thêm điểm này: Mục đích chính của vua Nghiêu là cẩn thận, lo xa, muốn truyền ngôi cho người tài đức nối chí mình chăm lo hạnh phúc cho dân. Người tài đức đó không nhất thiết là con mình, là người trong hay ngoài hoàng tộc. Một câu hỏi có thể được đặt ra để làm sáng tỏ: Nếu thái tử Đan Chu, con của Vua Nghiêu là người có đủ tài đức để nối chí và nối nghiệp cha mình, thì liệu có được vua Nghiêu truyền ngôi hay không? Hay vua Nghiêu cứ khư khư quyết nhường ngôi cho người ngoại tộc chớ không nhường ngôi cho con đẻ?

Kinh Thư chép rõ: Vua Nghiêu phán hỏi bá quan ai là người đáng tin dùng?

Phóng Tề, một bề tôi của vua Nghiêu tâu: Thái tử Đan Chu là người đáng tin dùng.

Vua Nghiêu than phiền Đan Chu là người ngạo ngược, ham mê chơi bời.

Vua Nghiêu lại hỏi: Ai là người làm được việc?

Hoan Đâu, một bề tôi khác tâu: Cung Công là người làm được việc.

Vua Nghiêu cũng than phiền Cung Công nói phải mà làm trái, ngoài mặt giả cung kính, trong bụng thì đầy kiêu ngạo.

Rốt cuộc vua Nghiêu tìm được trong hàng dân dã một người đủ đức đủ tài là ông Thuấn để giao việc nước. Ông Thuấn được vua Nghiêu giao cho làm các việc như điều khiển trăm quan, giữ việc chủ tế, ông Thuấn đều làm tốt. Vua Nghiêu lại cho thử nắm quyền bính trong nước ba năm rồi mới an tâm truyền ngôi cho.

Vua Nghiêu đúng là một bậc Thánh Vương, được nhân dân vô cùng cảm mộ ơn đức. Ngài không những chăm lo hạnh phúc của dân trong suốt thời gian trị vì của mình, mà còn nhọc công tìm cho được người nối chí mình lo cho hạnh phúc của nhân dân. Khi Ngài lia trần, toàn dân đau đớn khôn cùng, đau đớn như chính họ đã mất đi một người cha, người mẹ. Suốt ba năm dân chúng cả nước vẫn mãi tê lạnh buồn thương, chẳng có ai còn lòng dạ nào để đờn ca xướng hát.

Dân chúng cảm kích ơn sâu đức cả của vua Nghiêu, nên xưng tụng Ngài là Thiên Quan Tứ Phước (vị quan nhà Trời xuống trần chăm sóc và ban phúc cho nhân dân). Tương truyền ngày rằm tháng Giêng là ngày vía (đản sanh) của Ngài, nên ngoài tên gọi là ngày Thiên Quan Tứ Phước, rằm tháng Giêng còn được gọi là ngày Thượng Nguơn Thiên Quan Thánh Đản.

*

Chúng ta nên suy gẫm ý nghĩa sâu xa của sự kiện ngày Thiên Quan Tứ Phước được Đức Chí Tôn chọn để khai mạc Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý (tức là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hiện nay).

Đức Chí Tôn giáng đàn, xưng danh *Ngọc Hoàng Thượng Đế* kim viết *Cao Đài giáo đạo Nam phương*, và dạy:

“Hỡi các con! Thầy đã chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước mở Văn Phòng để các con nhờ hồng ân của Thầy mà lập công với Đạo.” ⁽²⁾

Theo ý nghĩa bốn chữ Thiên Quan Tứ Phước, suy ra Đức Chí Tôn chọn ngày này là muốn hàng ngũ nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ý thức rằng chúng ta là những người lãnh mạng Trời lập công với Đạo. Trước hết là làm nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, làm sống dậy trách nhiệm trước cơ Đạo cũng như cơ đời, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo ngũ hầu đem Đạo vào đời, cải tạo xã hội, đem lại hạnh phúc cho nhơn sanh.

Thay vì hai chữ Thiên Quan trong sử cổ, ngày nay Ôn Trên gọi nhân viên Cơ Quan là *hàng Thiên ân sứ mạng*. Nhận thức này không phải là tỏ ra tự cao tự đại, là cống cao ngã mạn, là thiếu hạnh khiêm tốn, v.v... Mà có nhận thức đúng vấn đề thì mới thấy được trọng trách được giao phó và mới ý thức đề ra sức, quyết tâm thực thi cho trọn vẹn, cho xứng đáng với tầm kích mà Ôn Trên đặt để cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

*Thuyền Đại Đạo lướt trên biển tục
Tiếng còi linh vội giục nhơn sanh*

⁽²⁾ Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Ty (15-02-1965).

Giữa hồi thế cuộc phân tranh

Thì tôn giáo phải thực hành cứu nguy. ⁽³⁾

Hàng năm, khi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý tổ chức lễ Thiên Quan Tứ Phước là để các cấp nhân viên chức vụ nhắc nhau nhớ lại ý nghĩa đó, nhớ lại hồng ân Đức Chí Tôn chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước thành lập Cơ Quan, để bắt đầu chuyển hướng qua giai đoạn mới theo lời cầu xin của Tam Giáo Tòa. Đây cũng là dịp chúng ta nhắc nhau nhớ lại mình đã thọ lãnh lệnh Trời trong thế Thiên nhơn hiệp nhất, đã đại ngôn hứa nguyện trước Thiên Bàn:

Con cúi xin phụng thừa Thiên lệnh

Dưới chân Thầy phán định phát ban

Dầu trong mọi cảnh khó khăn

Nguyện lòng đem hết sở năng thực hành. ⁽⁴⁾

Kỷ niệm ngày thành lập Cơ Quan vào lễ Thiên Quan Tứ Phước cũng là để nhắc nhau cố gắng học tập hạnh đức Thánh Nhân đời xưa, noi theo chí hướng của Thánh Nhân, làm được công việc Thánh Nhân đã làm.

Còn một ơn phước nữa mà mỗi nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chẳng được quên: Chính Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Thái Bạch là Tổng Lý Minh Đạo vô vi của Cơ Quan này. Ngài từng dạy rằng lúc nào Ngài cũng cận kề để hộ trì, đỡ nâng những Thiên ân sứ mạng hết lòng vì Đạo, và Ngài cho chư Thần chớ che, giúp đỡ những ai thọ lãnh trách vụ nơi Cơ Quan.

Tuân hành huấn dụ của Đức Chí Tôn, đúng 5 giờ sáng ngày rằm tháng Giêng hàng năm, lễ Thiên Quan Tứ Phước khởi đầu với việc thiết lập hương án có thánh tượng Đức Giáo

⁽³⁾ Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Ty (15-02-1965).

⁽⁴⁾ Đức Lê Đại Tiên, Thiên Lý Đàn, 12-02 Bính Ngọ (04-3-1966).

Tông trước cửa vào bửu điện Cơ Quan, để cung thỉnh Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo. Chúng ta thường hiểu nghi thức này là để Đức Giáo Tông chứng lễ, cho cuộc lễ càng bội phần thiêng liêng, trang trọng.

Thay vì cảm nhận Đức Giáo Tông đến chứng lễ vô vi bằng đức tin, thì hàng năm, việc thiết lập hương án có thánh tượng Đức Giáo Tông để mọi chức vụ và nhân viên Cơ Quan đều nhìn thấy quả là sự kiện hy hữu. Khi làm lễ và chiêm bái thánh tượng Đức Giáo Tông, người nhân viên chí thành tâm đạo của Cơ Quan cảm nhận được một luồng thiên điển “chạy” trong thân mình, và sự hiểu ra Ngài chính là vị Thiên Quan Tứ Phước của Kỳ Ba, với cương vị Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được Đức Chí Tôn giao trọng trách giáo hóa nhơn sanh trở về nguồn cội phúc. Với cương vị Tổng Lý Minh Đạo vô vi, Ngài có trọng trách dạy dỗ, điều dắt, hộ trì Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Hiểu rõ ý nghĩa sâu kín của việc Đức Chí Tôn chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước khai mạc Cơ Quan, và lãnh hội lý đạo thâm diệu của việc Đức Chí Tôn dạy thiết lập hương án cung thỉnh Đức Giáo Tông Vô Vi vào ngày Thiên Quan Tứ Phước hàng năm, người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý càng thêm hưng phấn, hăng hái nguyện rảo chân tiến bước theo vị Quan nhà Trời trong Kỳ Ba này để làm tròn sứ mạng như lời đại nguyện:

*Con cúi xin phụng thờ Thiên lịnh
Dưới chân Thầy phán định phát ban
Dầu trong mọi cảnh khó khăn
Nguyện lòng đem hết sở năng thực hành.
Nguyện đem cả tài danh quyền chức
Nguyện xem thường vật chất hồng mao*

*Quyết tâm xây dựng phong trào
Hóa hồng chánh pháp xóa màu tang thương.*

*Nguyện chung sức mở đường đại chúng
Dem Đạo màu công dụng mọi nơi
Cho người thông cảm cùng người
Dẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.*

*Nguyện nung nấu can trường thiết thạch
Nguyện giữ gìn sơn sắt thủy chung
Hy thân nguyện nước non cùng
Mở mang đạo lý vẫy vùng trần la.*

*Đáng Chí Tôn hải hà ngự trị
Phật Thánh Tiên nhưt lý phát ban
Hồng trần lòng trẻ đặng an
Lo tròn hiện tại mở màn tương lai.*

*Thọ Quy Điều trước đài con đại
Dưới Đạo kỳ cú lạy Trời Cha
Hộ con tạo thế nhân hòa
Trời Nam xây dựng bửu tòa vạn linh.⁽⁵⁾*

24-02-1994

⁽⁵⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Thiên Lý Đàn, 12-02 Bính Ngọ (04-3-1966).

LỄ VÍA TRỜI MÙA XUÂN

1. Trời là thủy tổ

Nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam, Hoàng Trọng Miên tóm tắt quan niệm về Trời của dân Việt như sau:

“Trời là một bậc quyền phép vô song ở trên cao, làm ra tất cả.

Trời có con mắt, thấy tất cả, biết hết mọi sự xảy ra ở thế gian. Trời là cha đẻ muôn loài, xét đến muôn việc, thưởng phạt không bỏ ai. Do đó mà con người tin có Đạo Trời, thờ Trời, cho là Trời sinh, Trời dưỡng, và đến khi chết thì về chầu Trời.

Trời vô hình, không nói, nhưng người ta tin là ở đâu đâu cũng có mặt của Trời, không một ai tránh khỏi lưới Trời...”⁽¹⁾

Người Trung Hoa cổ xưa quan niệm Trời là thủy tổ. Quan niệm này có thể tìm thấy trong *Kinh Thi* qua câu: “*Thiên sinh chung dân...*” Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê cho rằng chữ *dân* ấy tức là chữ *nhân*.⁽²⁾ Như vậy, *Thiên sinh chung dân* tức là Trời sinh ra con người.

Đổng Trọng Thư đời Hán cho rằng Trời là thủy tổ của con người, nên viết trong sách *Xuân Thu Phồn Lộ* như sau:

⁽¹⁾ *Việt Nam Văn Học Toàn Thư*. Quyển I. Sài Gòn: Nxb Tiếng Phương Đông, 1973, tr. 61.

⁽²⁾ *Đại Cương Triết Học Trung Quốc*. Quyển Hạ. Sài Gòn, Nxb Cảo Thom, 1966, tr. 23.

“*Thiên diệc nhân chi tăng, tổ, phụ dã.*” (Trời cũng là cụ, là ông, là cha con người.)

Ngày nay, khi cúng thờ vào các giờ Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, người đạo Cao Đài đọc bài xưng tán Đức Chí Tôn: *Đại La Thiên Đế / Thái Cực Thánh Hoàng / Hóa dục quần sanh / Thống ngự vạn vật...* Như thế, đã tin rằng Trời sinh hóa và dưỡng nuôi vạn loại, trong đó có con người.

Từ quan niệm Trời là thủy tổ con người mà có lễ tế Giao, hay tế Nam Giao, tức là lễ tế Trời.

2. Lễ tế Trời

Theo Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề, *Kinh Lễ* giải thích ý nghĩa lễ tế Trời (tế Giao) như sau: “*Tế Giao để trả ơn Trời, muôn vật sinh ra bởi Trời, người ta sinh ra bởi tổ.*”⁽³⁾

Theo đạo giáo, trong nhà con cháu giữ cúng giỗ tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Trời cũng là cha của người, nhưng ngày xưa dân chúng không được phép thờ cúng Trời mà phải nhường đặc quyền này cho *Thiên tử* (con Trời, vua). *Kinh Lễ* chép quy ước này như sau: “*Vua thánh [vua giỏi, hiền minh] mới hay tế Đức Thượng Đế, con thảo mới hay tế cha mẹ.*”⁽⁴⁾

Qua tài liệu dẫn trên, chúng ta thấy khi Đức Thượng Đế mở đạo Cao Đài thì tất cả mọi người đều được thờ Trời là Cha của mình, không còn phải “nhường” cho vua nữa.

Dưới triều Nguyễn nước ta, các vua chọn một địa điểm ở phía nam kinh thành để làm lễ tế Trời. Nơi này gọi là *Giao*, là một gò đất *tròn* dựa theo quan niệm xưa trời tròn đất vuông (thiên viên địa phương). *Kinh Dịch* có câu: “*Những khi*

⁽³⁾ *Những Đại Lễ Và Vũ Khúc Của Vua Chúa Việt Nam*. Sài Gòn: Nxb Hoa Lư, 1968, tr. 13.

⁽⁴⁾ *Những Đại Lễ Và Vũ Khúc Của Vua Chúa Việt Nam*. tr. 13.

đương trong sạch, nhẹ nhàng, nổi lên trên, bao trùm khắp cả trái đất làm thành hình tròn là trời. Những khí âm vẫn đục, nặng đặc, lắng xuống dưới, thu gọn trong bầu trời làm thành hình vuông là đất.”⁽⁵⁾

Như vậy, tế đất thì chọn gò đất vuông, nằm về phía bắc kinh thành. Tế Trời vì thế gọi là tế Nam Giao, và tế đất gọi là tế Bắc Giao.

Tự điển *Khang Hy* giải thích: “*Đông Chí tự Thiên vu Nam Giao. Hạ Chí tự địa vu Bắc Giao. Cố vị tự Thiên địa vi Giao.*” Nghĩa là: Ngày Đông Chí tế Trời ở gò phía nam. Ngày Hạ Chí tế đất ở gò phía bắc. Cho nên tế Trời đất gọi là Giao.⁽⁶⁾

Đỗ Bạng Đoàn và Đỗ Trọng Huề viết: “*Các đế vương ngày xưa đặt ra lễ tế Giao để tế Trời đất, lấy nghĩa vua thay Trời trị dân vỗ yên trăm họ, vua là con Trời nên phải tế Trời cũng như con phải nuôi cha mẹ. Hàng năm vua tế Trời là giữ lễ làm con, khi khởi binh cáo với Trời là giữ đạo làm con. Trời là Đấng Chí Tôn, giữ gìn vận mệnh và ban hạnh phúc cho muôn dân, nên khi tế Trời, đích thân vua là chủ tế.*”⁽⁷⁾

Lễ tế Trời có ở Trung Quốc từ đời thượng cổ, với vua Thuấn. Đến thế kỷ 12 truyền vào Việt Nam, từ đời vua Lý Anh Tông (1138-1175). Vậy, trước vua Lý Anh Tông, triều đình Việt Nam không giữ độc quyền được tế Trời.

Đời vua Hùng Vương thứ sáu, người con thứ mười tám là Tiết Liệu được truyền ngôi nhờ tìm ra cách làm bánh dày hình tròn và bánh chưng hình vuông để cúng trong dịp đầu xuân. Bánh dày tượng trưng cho trời tròn, bánh chưng tượng trưng cho đất vuông. Vậy, vào thời Hồng Bàng, tục cúng trời đất

⁽⁵⁾ *Những Đại Lễ Và Vũ Khúc Của Vua Chúa Việt Nam*. tr. 13.

⁽⁶⁾ *Những Đại Lễ Và Vũ Khúc Của Vua Chúa Việt Nam*. tr. 13.

⁽⁷⁾ *Những Đại Lễ Và Vũ Khúc Của Vua Chúa Việt Nam*. tr. 13.

không dành riêng cho ai.

Chúng ta cũng thấy rằng khi đạo Cao Đài đưa tín ngưỡng thờ Trời vào quảng đại quần chúng là phục hồi truyền thống văn hóa dân tộc.

Nên lưu ý, người Trung Quốc tế Trời vào ngày Đông Chí, nhưng tại Việt Nam lễ vía Trời của đạo Cao Đài và tục cúng bánh dày, bánh chưng lại tổ chức vào đầu xuân.

Đỗ Bạng Đoàn và Đỗ Trọng Huề cho biết ngày xưa tế Trời ở nước ta như sau:

- Đòi Lý: một năm làm tiểu lễ, hai năm làm trung lễ, ba năm làm đại lễ.
- Đòi Trần: không tế Trời.
- Đòi Lê: tế Trời vào tháng Giêng.
- Đòi Nguyễn: tế Trời vào tháng Hai. Đòi Thành Thái, vua ấn định ba năm tế một lần.

2. Lễ Vía Trời

Đạo Cao Đài lấy ngày mùng 9 tháng Giêng làm lễ vía Trời. Trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của giải thích ngày vía là ngày sinh, và dẫn lại câu nói trong dân gian: *Mùng 9 vía Trời, mùng 10 vía đất*. Tự điển này in tại Sài Gòn năm 1896, như vậy lễ vía Trời là tục lệ có từ xa xưa của người Việt. Nói cách khác, lễ vía Trời trong đạo Cao Đài là tiếp nối truyền thống lâu đời của dân tộc.

a. Tại sao chọn mùa xuân làm lễ vía Trời?

* Về phương diện âm dương, ngũ hành, mùa xuân ứng với phương Đông. Mặt trời mọc ở phương Đông báo hiệu khởi đầu một ngày, một chu kỳ hoạt động. Lễ vía Trời vào mùa xuân ứng với phương Đông ngụ ý Tạo Hóa khởi phát cho vạn

vật sự sống.

Mùa xuân ứng với hành *Mộc*, màu xanh. Xuân là mùa cây cối tuôn tràn nhựa sống, đâm chồi nảy lộc, sinh sôi nảy nở. Lễ vía Trời vào mùa xuân ngụ ý Tạo Hóa dưỡng dục quần sinh tăng trưởng.

* Về lý *Dịch*, mùa xuân ứng với đức *Nguyên* của đạo *Kiên* (Càn). Nguyên là đầu tiên, to tát, bao trùm mọi điều thiện. Lễ vía Trời vào mùa xuân ngụ ý Thượng Đế là nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ, chí đại, chí thiện.

Nguyên cũng ứng với đức *nhân*. Lễ vía Trời vào mùa xuân ngụ ý Thượng Đế là đáng háo sanh, là tình thương.

* Về mặt *văn minh nông nghiệp*, trong *Hồng Phạm* có hai chữ *giá sắc* nghĩa là gieo gặt. Gieo giống vào mùa xuân và gặt hái vào mùa thu. Lễ vía Trời vào mùa xuân ngụ ý con người cần khởi đầu gieo giống lành, hành thiện để tiến lên đường đạo đức, tiến hóa. Qua mùa thu có lễ Hội Yên Bàn Đào do Đức Mẹ Diêu Trì ban thưởng cho những con đã gặt hái được công quả xứng đáng kể từ đợt gieo gặt đầu xuân. Nói khác đi, đạo Cao Đài có lễ vía Trời mùa xuân và lễ Hội Yên Bàn Đào mùa thu là để hoàn thành chu trình giá sắc (gieo gặt) của người tu.

b. Tại sao chọn tháng Giêng làm lễ vía Trời?

Theo lịch nhà Hạ tháng Giêng là tháng *Dần*. Có câu *Thiên khai ư Tý, địa tịch ư Sửu, nhân sinh ư Dần*. (Trời khai mở ở Tý, đất lập thành ở Sửu, người sinh ra ở Dần.) Lễ vía Trời vào tháng Giêng là nhắm tới con người, ngụ ý thờ Trời thì nhớ phụng sự người. Đó là tư tưởng nhân bản của Cao Đài, như lời Chư Tiên Khai Đại Đạo dạy:

“*Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế mà con người hãy cải tạo để xây dựng Thiên*

Đàng cho con người và thế giới ở tương lai...”⁽⁸⁾

Tháng Giêng ứng với quẻ *Địa Thiên Thái*, gọi tắt là quẻ Thái ☰☷, gồm nội quái hay hạ quái là quẻ *Càn* ☰, tượng trưng cho trời; ngoại quái hay thượng quái là quẻ *Khôn* ☷, tượng trưng cho đất. Lời thoán quẻ Thái viết: “*Thiên địa giao nhi vạn vật thông dã...*” (Trời đất giao cảm nhau mà muôn vật thông suốt...). Chúc lành nhau đầu năm, người đời có câu *Tam dương khai thái*, là mượn hình tượng nội quái của quẻ Thái (là quẻ *Càn* ☰, gồm ba hào dương) để cầu mong mọi việc suôn sẻ, hanh thông.

Quẻ Thái tượng trưng cho sự tốt đẹp, vì trời đất đê huề, vạn vật sinh sôi nảy nở. Lễ vía Trời vào tháng Giêng, ứng với quẻ Thái, ngụ ý Thượng Đế ban cho vũ trụ vạn vật (trong đó có con người) mọi điều tốt lành và trường dưỡng tất cả.

c. Tại sao chọn ngày mừng 9 làm lễ vía Trời?

Về *Dịch lý*, trong mười con số có năm số âm là 2, 4, 6, 8, 10; và có năm số dương là 1, 3, 5, 7, 9.

Lấy năm con số theo *ngũ hành*, ta có:

2	Bốn số 1, 2, 3, 4 là số <i>sinh</i> , vì từ nó sẽ sinh ra các số khác: 1+5 → 6; 2+5 → 7; 3+5 →
3 — 5 — 4	8; 4+5 → 9. Bốn số 6, 7, 8, 9 là số <i>thành</i> , trong đó 9 là số thành lớn nhất. Mà 9 =
1	1+3+5, là số thành của ba số sinh dương.


Dịch lý gọi 9 là số *lão dương*, con số *hoàn hảo*. Thế nên dùng số 9 để chỉ cho ngôi cao tột bậc. Ngôi vua vì vậy gọi là *cửu trùng*. Triết gia Hy Lạp là Pythagore (580-572 trước Công Nguyên) cho rằng 9 là số huyền vi bí diệu, nên bảo:

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

Chín là số hoàn hảo, là bình phương của ba (3x3 = 9), một tam hợp hòa hài trọn vẹn. (Neuf est le nombre parfait en tant que carré de trois qu'est la trinité de l'harmonie complète).

Lễ vía Trời vào ngày mùng 9, vì 9 là dương, toàn thiện, hoàn hảo, ứng với ngôi Chí Tôn của càn khôn thế giới.

d. Tại sao chọn giờ Tý làm lễ vía Trời?

Trong mười hai giờ của một ngày, theo âm lịch, giờ Tý (từ 23 giờ) là lúc âm cực thịnh. Âm cực thì dương sinh. Đây là thời điểm một ngày mới bắt đầu manh nha, vũ trụ chìm trong tĩnh mịch, thâm u, thanh tịnh nhất. Giờ Tý ứng với quẻ Phục , nhất dương sinh (hào 1 hay hào sơ là vạch liền), mầm sống thiêng liêng khởi phát.

*

Mỗi dịp đầu xuân, khi thiết lễ vía Trời vào giờ Tý, ngày mùng 9 tháng Giêng, chúng ta nên nhớ đến những ý nghĩa biểu tượng của giờ, ngày và tháng. Mỗi lần hành lễ vía Trời chúng ta ý thức đây cũng là ghi dấu một *khởi hành* cho chúng ta trong năm mới trên đường tu học và hành đạo. Chúng ta cũng nhớ đến *giá sắc*. Đầu xuân chúng ta bắt đầu gieo trồng công quả, nhận lãnh việc đạo, sang thu ta hân hoan chào lễ Đức Mẹ trong Hội Yến Bàn Đào, dâng trình Mẹ kết quả tu học của những đứa con áo trắng hiếu thảo Kỳ Ba.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
23-02-1991

QUYỀN PHÁP ĐẠO

Đặt vấn đề

Đầu Xuân năm Kỷ Dậu (1969), Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Bản Đạo nói để chư hiền đệ muội không lấy làm buồn, mà để nhận một thực tế. Dân tộc này Đại Từ Phụ đã chọn như Gia Tô Giáo Chủ đã nói trong lễ Giáng Sinh: ‘Chỉ có tâm thức thì sáng mà ý thức còn u tối.’ Chính vì vậy mà quyền pháp này chưa lập được.” ⁽¹⁾

- Quyền pháp là gì?
- Tại sao chưa lập được?
- Vấn đề quan trọng ra sao?

Tìm hiểu các vấn đề được đặt ra

Đức Giáo Tông Đại Đạo đã thừa Thiên Ý phân tách cho chúng ta thấu rõ về hai chữ quyền pháp như sau:

“Đại Từ Phụ nắm quyền pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ. Con người nắm được quyền pháp mới chuyển đưa vật loại vào Thiên Lý và chuyển Thiên Lý vào vật loại. (...) Kẻ giác ngộ, người tu hành có quyền pháp thì mới đưa Đạo vào đời và đạt mục đích cứu nhân độ thế.

Vậy quyền pháp là cơ, là lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.

⁽¹⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

(...) *Hãy nhìn xem quả trứng gà, chưa hề đẽ đục sẽ thấy những gì?*

(...) *Điểm quyền pháp ở đây là cái ngòi của quả trứng. Những cái ngoại thức nội tại có đủ, nếu cái ngòi thật tốt thì quả trứng gà sẽ biến thành con gà sau một thời gian nào đó. Trái lại, nếu không có điểm quyền pháp của Thượng Đế ban, dầu có đủ điều kiện, quả trứng vẫn hư hoại.*

(...) *Một thí dụ khác: Một tòa lâu đài to tát, đó là một sở vật thực tại đẹp đẽ. Vì không có quyền pháp, cũng như cái quả trứng không ngòi, do đó trứng sẽ hư hoại, lâu đài sẽ sụp đổ trong thời gian dầu có muốn hay dầu không có muốn.*

(...) *Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là Đạo, là tôn giáo cứu thế. Vì lẽ đó Đại Từ Phụ mới ban quyền pháp. Quyền pháp là Thầy, là Đạo, là động năng thúc đẩy tạo thành thánh đức sau Hội Long Hoa.*

Bản Đạo đã nói: Quyền pháp là Thầy, là Đạo. Nhắc lại, Đạo chớ không là tôn giáo.”⁽²⁾

Bài học về quyền pháp Đạo thật là sâu sắc và khi liên hệ với thực tiễn, người có trách nhiệm và tâm nguyện độ đời không khỏi giật mình. Tôn giáo mà không có quyền pháp thì chẳng khác gì quả trứng không ngòi, như tòa lâu đài to tát sẽ sụp đổ trong thời gian.

Nhìn vào một tôn giáo chưa lập được quyền pháp, như sanh chỉ thấy một cơ cấu tổ chức với những sinh hoạt lễ bái lập đi lập lại theo năm tháng. Một tôn giáo lập được quyền pháp là khi như sanh trông vào thấy biểu hiện hình bóng của Thượng Đế đáng tôn thờ, thấy được tính siêu phàm thoát tục của Đạo.

⁽²⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Để thấu hiểu điểm này, chúng ta hãy nghe lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Quyền pháp Đạo là tình thương và sự sống. Có nắm được quyền pháp thì Đạo mới hoằng khai.”⁽³⁾

“Các con hàng Thiên ân trong Đại Đạo hãy dốc chí làm gương mẫu của sự thương yêu thì quyền pháp Đại Đạo mới trọn tay thực hiện được.”⁽⁴⁾

Chúng ta nhớ lại, thánh ngôn, thánh giáo đã ghi chép lời Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy là cha của sự thương yêu, bởi thương yêu mới dựng nên càn khôn thế giới.”⁽⁵⁾

Thế cho nên hai cách định nghĩa của Đức Chí Tôn và của Đức Giáo Tông hiệp nhau để làm sáng tỏ hai chữ quyền pháp.

“Quyền pháp là sự thương yêu”, và “quyền pháp là Thầy” là hai cách nói đồng nghĩa, đồng lý.

Còn *“quyền pháp là sự sống”* hay *“quyền pháp là Đạo”*, đó chính là huyền nghĩa của cái Đạo sinh sinh hóa hóa: Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, v.v... mà ngôi Thái Cực chính là ngôi Thượng Đế Chí Tôn vậy.

Đức Giáo Tông dạy:

“Trong sở vật thực tại con người, điểm quyền pháp là linh hồn. Nhờ đó mà sinh ra, trưởng thành, và có thể tiến hóa đến mức đổi phàm thành Thánh, thay tục hóa Tiên được. Đó là một thí dụ nhỏ của quả trứng. Còn sở vật thực tại rất to tát trước thời tạo thiên lập địa là ngôi Vô Cực Diêu Trì, và điểm

⁽³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty.

⁽⁵⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

quyền pháp được chứa đựng là ngôi Thái Cực, là Thầy. Chính quyền pháp nằm trong sở vật thực tại chuyển biến và hóa sinh vạn loại.”⁽⁶⁾

Một tôn giáo chưa lập được quyền pháp là một tôn giáo chỉ có hình thức tổ chức, nhơn sanh chưa thấy sự hiển lộ của Thượng Đế qua tình thương tích cực trong chương trình hành đạo, trong diện mạo, trong tư cách, trong phong cách tiếp nhân xử thế của hàng ngũ chức sắc và tín đồ, chưa thấy sự hiển lộ của Đạo, của sự sống qua trình độ tinh tấn, tiến hóa về mặt tâm linh, tức chưa thấy được động năng thúc đẩy tạo thành thánh đức.

Nhắc lại lời dạy của Đức Giáo Tông:

“Kẻ giác ngộ, người tu hành có quyền pháp thì mới đưa Đạo vào đời và đạt mục đích cứu nhân độ thế.”⁽⁷⁾

Chức sắc và tín đồ Cao Đài cần lưu ý thật nhiều tới điểm này: Đức Chí Tôn đã chọn đất nước Việt Nam để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập nên tôn giáo Cao Đài để dân tộc này, trong thế Thiên nhơn hiệp nhất, lập thành quyền pháp Đạo thực thể thuần chánh để cứu thế. Đừng làm tưởng rằng Thầy khai mở Đạo tại Việt Nam, lập nên tôn giáo Cao Đài thì mặc nhiên Thượng Đế đã ban cho quyền pháp. Như đoạn thánh giáo đã được trích dẫn trên đây, chính Đức Giáo Tông đã xác nhận rằng *quyền pháp chưa lập được*.

Người tu hành mà không quan tâm phân biệt được giữa Đạo và tôn giáo, thì hãy nghe Đức Giáo Tông nhắc nhở:

“Tôn giáo là chiếc xe hỏa, mà người hành đạo phải biết rằng mình là hành khách. Nếu chư hiền cho rằng mình là xe

⁽⁶⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

⁽⁷⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

hỏa thì đầu thời gian cho đến cuối thời gian cũng chỉ đi lại trên con đường thiết lộ.”⁽⁸⁾

Tôn ý của Đức Giáo Tông muốn nhắc chúng ta nhớ rằng tôn giáo là phương tiện, Đạo là mục đích, không nên lẫn lộn giữa mục đích và phương tiện. Vào một tôn giáo tức là mượn phương tiện để tầm Đạo, để đạt Đạo và khi giác ngộ rồi sẽ ý thức được vai trò làm sáng tỏ quyền pháp Đạo, hiệp với Trời mà hoằng Đạo.

Nếu dân tộc này không lập được quyền pháp Đạo, thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hóa ra là một tên gọi tầm thường, tôn giáo Cao Đài cũng chỉ là một tôn giáo nhằm dạy nhơn sanh làm lành lánh dữ như bao nhiêu tôn giáo đã có và hiện có. Thế thì có cần thiết chi phải lập thêm một tôn giáo cũng giống như những tôn giáo đã có?

Đức Giáo Tông dạy:

“Trong sở vật thực tại của tôn giáo trên thế giới, tất cả tôn giáo từ xưa nay đang biến dưỡng, tranh chấp để tiến hóa. Sự tiến hóa không là hỗn tạp mà tự sự mâu thuẫn.

Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.

Nhìn lại điểm quyền pháp mà Thượng Đế đã đặt để cho, dân tộc này chưa làm tròn sứ mạng của quyền pháp vì tôn giáo hiện hữu còn tranh chấp, là chưa tạo được một thực thể Đạo thuần chánh để cứu thế.

(...) Quyền pháp Đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm

⁽⁸⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

trên toàn thể nhơn loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người.

(...) Cuối cùng, Bản Đạo muốn nói rõ: Quyền pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền pháp Đạo chính là sự thương yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa.”⁽⁹⁾

*

Toàn thể chức sắc và tín đồ Cao Đài, vì là đồng bào Việt Nam, hãy quan tâm tới sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn đã ban trao cho dân tộc Việt Nam chúng ta.

Theo ý nghĩa quyền pháp Đạo được Ôn Trên phân tách chỉ dạy, chúng ta tìm hiểu vì sao quyền pháp chưa lập được sau gần một thế kỷ Đạo khai. Đức Giáo Tông đã xác nhận: “Dân tộc này chỉ có tâm thức thì sáng, mà ý thức còn u tối.”

Diễn giải một cách nôm na, có thể nói: Đa số người tín đồ Cao Đài chúng ta tâm đạo thì có, nhưng mặt nhận thức về vai trò sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì chưa hiểu thấu đáo, và vì chưa quán triệt vai trò, sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nên đã không vạch ra đường lối, phương châm tu học và hành đạo, nội dung lẫn hình thức, sao cho được thống nhất và thích hợp với Tam Kỳ Phổ Độ.

1. Vì ảnh hưởng của quán tính, vì sức ì của tập quán tôn giáo, cộng đồng Cao Đài chưa làm sáng tỏ được sự khác biệt giữa Nhị Kỳ và Tam Kỳ Phổ Độ trong tư tưởng, tổ chức cũng như phương châm hành đạo. Vì vậy mà nhơn sanh có khuynh hướng xem tôn giáo Cao Đài là một tôn giáo thông thường, có người còn gọi tôn giáo Cao Đài là “Phật Giáo chấn hưng”,

⁽⁹⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

chẳng có gì đặc biệt đáng chú ý.

2. Vì không thấy rõ, không quan tâm tới lý đạo Tam Kỳ hay Nhị Kỳ Phổ Độ, nhơn sanh không nhận thức được tính quy luật của cơ tiến hóa (nói theo khoa học), không tin tưởng trong sự cứu rỗi kỳ ba của Thượng Đế (nói theo đức tin), nên xem tôn giáo Cao Đài là sản phẩm lập nên của một nhóm người thế gian, chớ chẳng phải là một mối Đạo Trời, tức là nên Đạo do Đức Chí Tôn khai sáng.

3. Vì thiếu lòng tin nơi cơ Trời, vì thiếu điều kiện cảm nhận được ơn phước của Thượng Đế ban cho, dân tộc này nói chung, không thấy hãnh diện về sự kiện dân tộc mình là “dân tộc được chọn” để tỏ ra xứng đáng với sứ mạng ân ban.

4. Một mặt, vì không hiểu nên không quan tâm tới vấn đề quyền pháp. Mặt khác, vì hiểu lầm và vận dụng sai, nên số chức sắc và tín đồ nắm được quyền pháp thật là quá hiếm hoi. Một số cấp lãnh đạo lầm lẫn quyền pháp với quyền hành, nên có thái độ “công thần”, muốn cai trị, đòi hỏi sự tuân phục của đạo hữu thay vì tự mình biết khai hoát Thiên tánh, trải rộng tình thương, nêu cao gương xả thân phục vụ đời, phụng sự đạo để thu phục nhơn tâm, cảm hóa, động viên đạo hữu trên đường sứ mạng bằng sức đẩy nhiệm màu của quyền pháp.

Đức Giáo Tông đã nhắc nhở:

“Quyền pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền pháp Đạo chính là sự thương yêu giải thoát cai trị để tiến hóa.”⁽¹⁰⁾

Mặt khác, nếu nghĩ rằng quyền pháp chỉ cần thiết cho cấp lãnh đạo thì đó cũng là điều sai lầm. Dĩ nhiên, hiểu quyền pháp là Thầy là Đạo, thì cấp lãnh đạo cần tinh tấn trước hơn, cao hơn tín đồ, để xứng đáng là bậc đàn anh. Nhưng đối với

⁽¹⁰⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

nhơn sanh chưa giác ngộ, thì tất cả tín đồ Cao Đài, dù ở phẩm cấp nào, cả thầy cũng đều phải lo thực hiện quyền pháp, dầu ít dầu nhiều, dầu cao dầu thấp, để nhơn sanh nhìn vào hàng ngũ Cao Đài đều thấy được biểu hiện của Trời, của Đạo. Quyền pháp là như thế và quan trọng như thế, nên người tín đồ Cao Đài nào cũng phải lo thể hiện được quyền pháp.

5. Có ý thức rõ rệt về quyền pháp, về nhu cầu phải nắm được quyền pháp theo lời dạy của Đức Chí Tôn “*Các con muốn Đạo sớm thành để hoằng dương độ thế thì hãy hành đạo trong khuôn khổ quyền pháp*”, người tín đồ Cao Đài mới thấy giá trị của đạo pháp, thấy cần đặt hiệu năng của công phu tu luyện, để có được hào quang từ ái của Trời, của Đạo. Có thể nói cách khác rằng nếu ai còn chênh mảng công phu là vì họ chưa ý thức rõ rệt về quyền pháp và về nhu cầu phải nắm được quyền pháp.

*

Khai Minh Đại Đạo là làm sáng tỏ môi Đạo Trời. Trước hết là sáng tỏ để được hiểu rõ, thật rõ, trong hàng ngũ chức sắc và tín đồ Cao Đài. Mà hễ mọi người tín đồ đều có trình độ làm sáng tỏ và có lòng chí thành góp phần làm sáng tỏ Đạo Trời, thì nhơn sanh sẽ hiểu được Đạo và tìm tới Đạo. Đức Giáo Tông dạy: “*Chẳng lo đời không hiểu đạo, chỉ lo đạo không được sáng tỏ đó thôi.*”⁽¹¹⁾

Hàng năm, mỗi dịp kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo, chúng ta rất nên suy gẫm lời dạy của Đức Chí Tôn và của Đức Giáo Tông về vấn đề quyền pháp. Chúng ta cố gắng làm sáng tỏ được Đạo, nắm cho được quyền pháp Đạo để nhơn sanh thấy được tính Trời, tính Đạo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một

⁽¹¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-02 Bính Dần.

thực thể Đạo cứu thế Kỳ Ba, đem lại tình thương và sự sống cho nhơn loại tránh được họa diệt vong.

Lời dạy của Ôn Trên thật đượm lòng đại từ đại bi, vừa dạy dỗ nhắc nhở để chúng ta nhận một thực tế và có ý thức thêm hơn về sứ mạng Đại Đạo, lại vừa an ủi khuyên chúng ta đừng buồn. Ôn Trên cũng không bỏ qua cơ hội để khuyến khích, động viên chúng ta:

- Đừng để trễ thời cơ, đừng đi sau, theo đuôi thế sự.
- Vững niềm tin nơi sự chọn lựa của Đấng Chí Tôn.

Đức Giáo Tông dạy:

“*Đừng đi sau con ngựa, chớ hiền sẽ bị phủ bụi của nó. Đừng đi sau con voi, chớ hiền sẽ bị dơ vì phóng uế. Hãy cầm cương ngựa, hãy cỡi lưng voi. Nếu chưa được, Bần Đạo bảo cho – hãy tránh xa để khỏi bị giày đạp. Tránh xa không phải là chạy trốn mà tránh để sửa soạn sự thành công. Phía sau chớ hiền là chuỗi ngày lịch sử, phía trước chớ hiền là ánh sáng rực rỡ của Đức Thượng Đế, dưới chân chớ hiền và nhơn loại là hố sâu vực thẳm. Chỉ còn một việc – hãy nhìn thẳng vào thực tế để chế ngự thực tế.*”⁽¹²⁾

Nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế đang kêu gọi và cùng nhau lên tiếng hưởng ứng gây phong trào kêu gọi hòa bình. Thế mà dân tộc này, tôn giáo này (tức chúng ta đây) phải chẵng vì quyền pháp Đạo chưa lập được nên chưa phát huy được vai trò chánh yếu của một dân tộc được chọn để truyền bá chủ nghĩa *bảo sanh, nhân nghĩa, đại đồng*, xây dựng đời thánh đức, thanh bình, an lạc trên thế gian?

Với lòng từ bi giữ cho chúng ta đức tin và niềm hy vọng, Đức Giáo Tông minh xác:

⁽¹²⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

“Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá hay trao quyền binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thực hành sứ mạng ‘Hào Nam Bang, Hào Nam Bang, Tiểu quốc táo khai hội Niết Bàn’.

(...) Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế. Quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư đệ muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam – một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.”⁽¹⁾

Làm sáng tỏ quyền pháp Đạo cho thế giới, cho nhơn sanh thấy rõ được động năng cứu rỗi xây dựng mới, đây là nhiệm vụ, là vinh dự, là một công đức lớn dành cho dân tộc Việt Nam.

Hàng ngũ chức sắc và tín đồ Cao Đài cần ghi khắc huấn từ về quyền pháp Đạo của Đức Chí Tôn và Đức Giáo Tông, nhắc nhở nhau đừng ngu quên trong ý thức còn u tối. Hãy bừng tỉnh dậy, tỉnh táo và sáng suốt nhìn thẳng thực tế để chế ngự thực tế. Đừng vội bằng lòng, tự mãn với hình thức tôn giáo, mà hãy vươn lên đúng tầm vóc Đại Đạo, thực hành sứ mạng quyền pháp thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.

05-12-1987

⁽¹⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

TỰ LỰC, CHÍ THÀNH VỚI SỨ MẠNG ĐẠI THỪA

Hôm nay là mừng 3 tháng Chạp Canh Dần. Theo thông lệ hàng năm, đạo hữu chúng ta từ các nơi gần xa sốt sắng tề tựu về ngôi cổ tự Vĩnh Nguyên thân quen này để cùng nhau trân trọng thiết lễ kỷ niệm ngày quy thiên của Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (1843-1913) là đấng khai sáng chi Minh Đường khi xưa mà hiện nay là Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Tôi diễm phúc được Đức Chơn Nhơn từ bi ban ơn nhìn nhận là đệ tử của Ngài. Do đó, nhân dịp lễ kỷ niệm Đức Chơn Nhơn hôm nay, Ban Cai Quản Vĩnh Nguyên Tự có nhã ý phân công cho tôi được hân hạnh chia sẻ cùng quý đạo hữu một câu chuyện đạo lý.

Nghĩ rằng chúng ta vừa mãn khóa tu Đông Chí chưa bao lâu, tôi muốn mời quý đạo hữu cùng tôi ôn học lại một thời pháp của Đức Chơn Nhơn. Trước là để chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng tâm thiền sau mùa tu Đông Chí; kế nữa là chúng ta cùng suy gẫm rồi đem lời dạy cao siêu của Đức Chơn Nhơn ứng dụng vào cuộc sống đạo mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi khoảnh khắc của chúng ta giữa thời hạ nguơn điêu tàn sắp mãn để chuyển sang thời thượng nguơn thánh đức.

Câu chuyện sáng nay của chúng ta được căn cứ theo thánh giáo ngày 10-6 Bính Thìn, do Đức Chơn Nhơn giảng dạy tại Vĩnh Nguyên Tự. Tôi xin phép trích ra những đoạn cần thiết và phù hợp với khuôn khổ thời gian cũng như khung cảnh một diễn đàn mang tính đại chúng.

Theo chỗ tôi biết, hầu hết quý đạo hữu có mặt ở đây sáng nay đều đang thực hành tu tập huyền công. Thánh giáo của Đức Chơn Nhơn lại nhắm vào các tịnh hữu còn ở bậc sơ thiên, cho nên tôi tin rằng việc ôn học lời Ngài dạy rất phù hợp và hữu ích cho tất cả chúng ta.

A. Tâm chơn thật

Trong thánh giáo năm ấy, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn mở đầu thời pháp như sau:

“Lão chào chư tịnh viên nam nữ. Lão rất hoan hỷ thấy chư tịnh viên giữ lòng thanh tịnh. Dầu còn một ít phóng tán tâm tư, nhưng cũng đáng được ngợi khen vì biết chú tâm vào bốn phận của tịnh viên theo Thánh ý, nên đem lòng chơn thật cố gắng nhiếp thâu để trọn lành trọn tốt. Vì vậy mà hôm nay Lão giảng đàn để đôi lời giải lý thêm về công phu thiên định.”

Trong lúc tịnh viên tu tập công phu, Đức Chơn Nhơn đã gần gũi, đã theo dõi để rồi ban lời nhận xét. Hôm ấy Ngài đã khen ngợi, bởi lẽ các hành giả biết *“đem lòng chơn thật cố gắng nhiếp thâu để trọn lành trọn tốt.”* Ngài đã cho một điểm son bởi vì tịnh viên có lòng chơn thật.

Quý tịnh hữu đều nhớ, mỗi khi khởi sự thời công phu của mình, chúng ta luôn đọc bài *Kinh Cầu Khi Tham Thiên* do Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch truyền ban:

Tham thiên giao cảm Phật Tiên,

Cầu xin Thượng Phụ chứng miêng tâm thành.

Tâm thành tức là lòng chơn thật. Vậy thì hôm nay nếu ai đó trong chúng ta còn thấy mình tu chưa tấn tới, tu kém cỏi, chắc chắn điều đó không phải do lỗi ở pháp môn đâu. Trái lại, chúng ta nên tự xét xem mình đã đủ tâm thành chưa, mình đã có trọn lòng chơn thật chưa. Vì chỉ khi nào có tâm thành hay lòng chơn thật thì chúng ta mới *“biết chú tâm vào bốn phận*

của tịnh viên theo Thánh ý” như Đức Chơn Nhơn đã dạy.

B. Tâm chơn thường

Đức Chơn Nhơn dạy tiếp:

“Hiện diện các tịnh viên trong đợt tu dưỡng này đều ở vào bước sơ thiên. Tuy là sơ thiên nhưng tâm đạo sáng chói, nhờ vậy mà lặng lẽ chiếu soi cũng hiển lộ được tâm chơn thường trong khi tham thiên tịnh tọa.”

Lời dạy này cho thấy về mặt đạo pháp, dù hành giả còn sơ cơ, trình độ tạm gọi là chưa cao thâm, nhưng nếu tâm đạo chí thành (tức trọn lòng chơn thật), thì cũng sáng chói, nên cũng hiển lộ được tâm chơn thường.

Chúng ta thấy rằng thoát đầu, ở đoạn trên, Đức Chơn Nhơn xác nhận tịnh viên có lòng chơn thật và tâm đạo sáng chói. Kế tiếp, trong đoạn này, Ngài dạy thêm là hành giả hiển lộ được tâm chơn thường.

Chúng ta tự hỏi, *tâm chơn thường* là tâm thể nào?

Tại thánh thất Tân Định, ngày 02-9 Tân Hợi (20-10-1971), Đức Nhị Trần Oai Nghiêm Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Nhứt thiết đều vô thường thì phải tìm đến cái chơn thường bằng phương pháp tu thân hành đạo.”

Như vậy, ta hiểu rằng chơn thường là trái nghĩa với vô thường. Vậy chơn thường đồng nghĩa với *hằng thường, bất biến*.

Chúng ta tạm thời chưa đào sâu vào diệu dụng của tâm chơn thường. Lát nữa chúng ta sẽ trở lại với vấn đề này.

C. Tâm nhứt như

Tiếp tục thời pháp của Đức Chơn Nhơn, chúng ta thấy Ngài dạy như sau:

“Không phải nhờ ở tha lực mà tự lực là chỗ tất yếu của thiên sinh. Từ chỗ sơ phát của tâm lần lần đến bậc vô thượng chánh đẳng chánh giác, không đòi hỏi người hành giả phải hy sinh mọi mặt như tự ngàn xưa đúng quy giới tu trì. Chỉ cần hành giả có một tâm nhưt như tiến đạo đến chỗ thâm sâu, cùng lý tận tánh, giải thoát hết mọi ràng buộc chung quanh, mới được quang minh khai phóng, nhìn suốt sự vật để hòa mình tu kỹ luyện công, hòa mình cảm hóa nhơn sanh, hoằng dương chánh pháp đúng theo thời kỳ nguơn hội ân xá của Đức Chí Tôn.”

Đức Chơn Nhơn nói tới “bực vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Quý đạo hữu đều hiểu rằng đây là quả vị của Phật. Một quả vị tối thượng. Thế mà Đức Chơn Nhơn dạy chúng ta rằng, để đạt tới quả vị tối thượng của Phật, cũng “không đòi hỏi người hành giả phải hy sinh mọi mặt như tự ngàn xưa đúng quy giới tu trì.”

Tại sao lại có sự hy hữu đến như thế? Đức Chơn Nhơn trả lời giúp chúng ta rồi, bởi vì chúng ta đang có diễm phúc được tu hành trong “thời kỳ nguơn hội ân xá của Đức Chí Tôn”.

Chúng ta có lẽ vẫn chưa thấy hoàn toàn an lòng, nên muốn hỏi thêm: Nếu không đòi hỏi sự hy sinh mọi mặt như quy giới ngày xưa, thì điều kiện tối thiểu của hành giả chúng ta trong Kỳ Ba đại ân xá này là gì?

Trả lời câu hỏi này, Đức Chơn Nhơn dạy chúng ta hai điều kiện.

Điều kiện thứ nhất: Trước hết, Ngài dạy: “Không phải nhờ ở tha lực mà tự lực là chỗ tất yếu của thiên sinh.”

Tự lực là chỗ tất yếu. Khi nói tất yếu, có nghĩa là bắt buộc phải như thế, không thể nào khác hơn được (*inévitable*). Hễ nói tới tất yếu tức là có tính quy luật. Mà đã là quy luật thì bắt

biến, không thể thay đổi khác đi.

Hiểu tất yếu có nghĩa như vậy rồi, thì chúng ta nhớ thêm, tuy Đức Chí Tôn rất thương chúng ta, Thầy mở đại ân xá cứu chúng ta kỳ chót, nhưng trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Đức Chí Tôn cũng dạy chúng ta phải tự lực chứ Thầy không thể bằng ẵm chúng ta mà sai quy luật tự nhiên của vũ trụ này.⁽²⁾

Điều kiện thứ hai: Đức Chơn Nhơn nhấn mạnh: “Chỉ cần hành giả có một tâm nhưt như”.

Chúng ta còn nhớ, hồi nãy Đức Chơn Nhơn nói tới *tâm chơn thường*. Bây giờ Ngài nói thêm tới tâm nhưt như. Vậy, nhưt như là gì?

Nhút như tức là *bất nhị*, là không hai.

Tâm nhưt như tức là tâm không thấy có ta có người, không thấy có thân có thù. Tâm nhưt như là tâm của hành giả ở trong chỗ biến thiên sai biệt mà không bị ảnh hưởng của sai biệt biến thiên.

Trong thời pháp năm xưa, Đức Chơn Nhơn không chỉ nói tới tâm nhưt như. Ngài nói cụ thể là “*tâm nhưt như tiến đạo*”.

D. Tâm nhưt như tiến đạo

Ta có thể lãnh hội rằng tâm nhưt như tiến đạo là tâm chí bất thôi chuyển, là tâm trung kiên và quật cường vượt qua mọi chướng ngại để tiến thủ trên đường tu tập, thực hành đạo pháp.

Tại sao chúng ta cần có tâm nhưt như tiến đạo?

⁽²⁾ Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bằng ẵm các con mà đỡ lên choặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó.” *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 15-4-1927.

Bởi vì tánh phàm chúng ta vốn ưa dễ mà ngại khó. Hơn nữa, tu hành thì phải chịu thử thách khảo đảo.

Tiến đạo có nhiều thứ bậc, mức độ, đi từ thấp lên cao.

Tiến đạo theo khuôn khổ pháp môn là tuân tự cố gắng bước lên từng cấp lớp theo thâm niên tu học.

Tiến đạo về phương diện tu chứng tức là đạt đến chỗ mà Đức Chơn Nhơn dạy là: “*Chỉ cần hành giả có một tâm nhưt như tiến đạo đến chỗ thâm sâu, cùng lý tận tánh, giải thoát hết mọi ràng buộc chung quanh...*”

Bốn chữ *cùng lý tận tánh* mà Đức Chơn Nhơn nhắc nhở chúng ta vốn là lời Thánh Hiền xưa đã chép trong sách *Trung Dung* cũng như đã ghi trong phần *Thuyết Quái* của *Kinh Dịch*.

Thường, chúng ta hiểu *cùng lý tận tánh* tức là suy xét tận tường nguyên lý sự vật và thấu triệt bản tánh của vạn vật và của chính ta.

Thế nên, các nhà đạo học đều cho rằng *cùng lý tận tánh* của đạo Nho tức là *minh tâm kiến tánh* của nhà Phật. Mà các thiền sư luôn dạy rằng *kiến tánh thành Phật*.

Đức Chơn Nhơn thoát đầu nói tới quả vị Phật là *vô thượng chánh đẳng chánh giác*, rồi Ngài lại nói tới chỗ *cùng lý tận tánh* tức minh tâm kiến tánh để thành Phật.

Thành Phật!? Sự thành tựu vô cùng to tát ấy trong đời tu hành của chúng ta, có lẽ ít ai dám nghĩ tới. Nhưng Đức Chơn Nhơn lại lấy chỗ thành tựu tối thượng tối đại đó để dạy cho hành giả mới ở bậc sơ thiền.

Phải chăng Ngài đặt cho tịnh hữu chúng ta một cứu cánh ngoài khả năng chúng ta?

Không phải thế đâu! Vì các Đấng vẫn bảo chúng ta rằng:

Tu hành là học làm Trời

Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian.⁽³⁾

Có lẽ phần đông chúng ta không dám nghĩ tới mục đích “*tu hành là học làm Trời*” vì sợ hãi rằng phạm tội bất kính, hoặc ngạo mạn, ngông nghênh. Nhưng chúng ta nhớ rằng Trời là *Đại Linh Quang*, là một khối ánh sáng lớn thiêng liêng. Còn mỗi người chúng ta là một *tiểu linh quang*, là đốm sáng nhỏ thiêng liêng. Thế nên người và Trời đồng tính, đồng chất, đồng bản thể, vì cùng là *ánh sáng thiêng liêng*.

Dĩ nhiên, nước và dầu không thể hòa lẫn vào nhau vì khác tính chất. Trái lại, Trời và người vì đồng tính, đồng chất, đồng bản thể, cùng là ánh sáng, nên xét về nguyên lý là hoàn toàn có khả năng hòa làm một, tức là *Thiên nhơn hiệp nhưt*. Tu thiền chính là phương pháp để biến nguyên lý ấy trở thành sự thật ở chính bản thân chúng ta. Do đó, chúng ta nên thấu hiểu và thực hành câu thánh ngôn “*tu hành là học làm Trời*” theo lý lẽ huyền nhiệm cao siêu ấy.

Thế kỷ 6 trước Công Nguyên, Đức Phật từng dạy: “*Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành.*”

Tại thành Alexandria nước Hy Lạp vào thế kỷ 3, Thánh Clement phát biểu tương tự: “*Thiên Chúa xuống thế làm người để cho người trần gian có thể trở thành Thiên Chúa.*”

Đến thế kỷ 16, ở bên Đức, ông Tô của đạo Tin Lành là Martin Luther trong một bài giảng nhân lễ Giáng Sinh cũng minh xác như thế: “*Thiên Chúa trở thành người để cho loài*

⁽³⁾ Đức Cao Triều Trực, Cao Thượng Bửu Tòa, 18-8 Bính Ngọ (02-10-1966).

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974): *Tu hành để được làm Trời, / Phải đâu muôn kiếp làm người thế gian.*

người có thể trở thành Thiên Chúa.”

Vậy thì, sang thế kỷ 20, Đức Chơn Nhơn bảo tịnh hữu chúng ta tu thiền để được làm Phật, đạt quả vị Phật chính là nhắc lại chân lý muôn thuở của chánh pháp Đông Tây. Ngài mong muốn chúng ta hãy biết nuôi chí lớn, dám hạ quyết tâm để thành tựu đại sự, đại nghiệp cho đời tu hành của mình.

Tại sao Đức Chơn Nhơn muốn chúng ta hãy nuôi chí lớn?

Xin thưa, Thánh Hiền thường dạy hễ ai có chí lớn thì mới dám làm được việc lớn. Vậy, Đức Chơn Nhơn lấy quả vị Phật ra dạy cho bậc sơ thiền tức là Ngài muốn tịnh hữu chúng ta hãy biết nuôi chí lớn. Hễ có chí lớn thì chúng ta mới dám làm việc lớn để thành công lớn, tức là tu làm Trời, làm Phật.

Tôi xin kể một chuyện có thật.

Ngày xưa có một chú bé, sinh ra năm 720, nhằm đời nhà Đường bên Trung Quốc. Một hôm có lẽ là ngày rằm gì đó, chú bé ấy theo mẹ đi lễ chùa. Thấy đông đảo mọi người tới trước một pho tượng to lớn cung kính bái lạy, chú bé hỏi mẹ: “Ai vậy mẹ?”

Mẹ chú bảo: “Phật đấy!”

Chú bé ngênh cổ nhìn pho tượng một lúc rồi phát biểu một câu xanh rờn: “Nhìn Phật cũng không có gì lạ. Mặt mũi cũng y hệt như mọi người. Vậy thì mai kia con cũng làm Phật!”

Chú bé ăn nói đầy khẩu khí ấy sau này trở thành **Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải**, danh tiếng lẫy lừng. Ngài quy liễu năm 814 sau khi đã đào tạo được nhiều đại tông đồ mà mỗi tông đồ cũng là một thiền sư lẫy lừng danh tiếng.

Tới đây, giả dụ như tịnh hữu chúng ta có người đã có chí lớn, và nghe lời dạy của Đức Chơn Nhơn, cũng muốn cùng lý

tận tánh, muốn đạt tới quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác để làm Phật, thì vị đó sẽ hỏi: “Kính bạch Đức Chơn Nhơn, như vậy chúng đệ tử cần điều kiện gì?”

Thì Đức Chơn Nhơn đã trả lời, đó chính là điều kiện thứ hai: “Chỉ cần hành giả có một tâm như tiến đạo”.

Chúng ta lại nhớ rằng, tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày 15-9 Giáp Dần (29-10-1974), Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Phương chi trong thời kỳ này, cực biến cực loạn, nguy nhiều chơn ít, người hành giả phải nắm lấy chơn thường sửa đang nguy tạo. Đó là hành giả đã biết mình, biết người, tức là biết Đạo vậy, và đạo pháp sẽ đưa hành giả đến chỗ đốn tuyệt vạn duyên, không còn chơn nguy nữa.”

Lời dạy này rất hệ trọng. Chúng ta cần lưu tâm ghi nhớ. Chúng ta đọc lại lần nữa cho thấm thía:

“Phương chi trong thời kỳ này, cực biến cực loạn, nguy nhiều chơn ít, người hành giả phải nắm lấy chơn thường sửa đang nguy tạo. Đó là hành giả đã biết mình, biết người, tức là biết Đạo vậy, và đạo pháp sẽ đưa hành giả đến chỗ đốn tuyệt vạn duyên, không còn chơn nguy nữa.”

Sửa đang là sửa lại cho đúng. Theo lời Đức Lão Tổ dạy, để sửa chỗ giả nguy thành chơn thật, hành giả phải nắm lấy chơn thường. Từ kết quả đó, hành giả có thể tiến xa hơn là chặt đứt mọi nhân duyên buộc ràng của thế gian nhị nguyên, nên không còn vướng vào hai mặt đối đãi là chơn thật và giả nguy nữa.

Đôi chiếu lời dạy của Đức Lão Tổ và Đức Chơn Nhơn, chúng ta thấy có những điểm tương đồng rất khít khao.

- Đức Lão Tổ dạy hành giả nắm lấy chơn thường rồi thì sẽ “đốn tuyệt vạn duyên”. Chúng ta hiểu rằng bởi vì có vạn

duyên cho nên chúng ta mới bị ràng buộc muôn mối rối rắm.

- Đức Chơn Nhơn dạy tương tự, khi hành giả có tâm nhứt như bất biến thì sẽ “*giải thoát hết mọi ràng buộc chung quanh*”.

- Và chỗ mà Đức Lão Tử dạy rằng “*không còn chơn nguy*” thì đó cũng là chỗ chứng đắc của hành giả đạt được tâm nhứt như. Vì nhứt như là không còn đối đãi nhị nguyên (ta người, thật giả, chơn nguy...).

Chúng ta nên lưu ý, đừng bỏ sót hai chữ rất quan trọng mà Đức Chơn Nhơn nhấn mạnh. Thật vậy, Đức Chơn Nhơn bảo “*Chỉ cần hành giả có một tâm nhứt như tiến đạo*”.

E. Để có thể được tâm nhứt như tiến đạo

Khi dạy về điều kiện thứ hai, Đức Chơn Nhơn bảo tịnh hữu chúng ta “*chỉ cần*”. Nghe thì đơn giản, nhưng thực hành cho kết quả để đáp ứng hai chữ “*chỉ cần*” ngắn gọn ấy, mọi người chúng ta đều hiểu rằng không dễ.

Với lòng từ bi, Đức Chơn Nhơn tiếp tục hướng dẫn chúng ta cách thức để mong chúng ta thành công. Đức Chơn Nhơn dạy thêm như sau:

“*Chư hiền đệ, hiền muội đặt niềm tin mà học đạo là lẽ thường. Phải hiểu đạo, phải tin đạo bằng tâm thì hành đạo mới đạt kết quả. Kết quả đó cũng chưa đúng mức đại thừa. Phải hiểu đạo, hành đạo, học đạo bằng khí thì đạo mới thâm sâu. Tuy ở bậc sơ thiên cũng cần hiểu qua điều ấy.*”

Trong đoạn này, Ngài trao cho chúng ta hai mức độ tu học và hành đạo.

Mức độ thứ nhứt là gì? Ngài dạy: “*Phải hiểu đạo, phải tin đạo bằng tâm thì hành đạo mới đạt kết quả.*”

Thật vậy, nếu chúng ta không để hết lòng mình vào đó thì

việc tu học, hành đạo của chúng ta ắt hời hợt, chiếu lệ, làm theo kiểu lấy có, tức là kiểu mà ngoài đời dân gian hay nói là *trả nợ quý thân*.

Hơn nữa, cái tâm tức là tình cảm. Cho nên tâm vui thì tu hành hăng hái, tâm buồn thì thối chí, ngã lòng. Tu bằng tâm thì cần mà chưa đủ, vì “*Kết quả đó cũng chưa đúng mức đại thừa.*”

Muốn đủ thì sao? Đức Chơn Nhơn dạy: “*Phải hiểu đạo, hành đạo, học đạo bằng khí thì đạo mới thâm sâu.*”

Thông thường, nói tới *khí*, chúng ta liên tưởng ngay tới hơi thở.

Nhưng trong đoạn thánh giáo này, khi Đức Chơn Nhơn dạy chúng ta phải hiểu đạo, hành đạo, học đạo bằng *khí*, thì phải chăng chữ *khí* có ý nghĩa khác?

Lấy thí dụ nước ta đời Trần, lúc quân Mông Cổ qua xâm chiếm. Triều đình triệu tập Hội Nghị Diên Hồng (1284), hỏi nên đầu hàng hay hy sinh kháng chiến. Tất cả mọi người đều đồng lòng quyết chiến. Sử sách bảo là *sĩ khí, dân khí* nước ta lúc đó dâng cao, sôi sục. Thế nên, quân Mông Cổ hoành hành cả châu Á và một phần châu Âu không hề thất bại, mà họ đành phải thua trận ở Việt Nam.

Vậy, *khí* ở đây là *hùng khí, chí khí*. Có nó thì những lúc trở ngại, gian khó người tu mới không bán đồ nhi phế, không bỏ cuộc nửa chừng. *Khí* đây tức là *quyết tâm*. Trước đêm thành Phật, thái tử Cô Đàm phát lời thề rằng nếu không đắc đạo thì không rời khỏi gốc cây bồ đề. Đó là chí khí, hùng khí của Ngài.

Chúng ta thấy, sau khi dạy tịnh hữu chúng ta phải tu hành bằng khí, bằng chí khí hay quyết tâm, thì Đức Tôn Sư giảng rõ thêm:

“Đón hoặc tiệm, tùy nơi giác ngộ của người hành giả có quyết tâm giải thoát hay không. Khi đã quyết tâm giải thoát, đâu ở trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được.”

Chính lời dạy này một lần nữa nhắc chúng ta nhớ rằng muôn sự tùy thuộc ở chính ta chứ không phải ai khác. “Không phải nhờ ở tha lực mà tự lực là chỗ tất yếu của thiên sinh.” Đức Chơn Nhơn đã dạy như thế.

F. Xác định sứ mạng đại thừa của mỗi hành giả

Vừa rồi, chúng ta thấy Đức Chơn Nhơn nhấn mạnh hai chữ quyết tâm. Ngài nhắc tỉnh hữu chúng ta phải có quyết tâm giải thoát.

Kế tiếp đây, Ngài còn nhắc nhở lần nữa hai chữ quyết tâm. Đức Chơn Nhơn dạy:

“Người hành giả quyết tâm học chánh pháp đại thừa là có sứ mạng cao cả để thực hành Thiên Đạo trong xã hội. (...) Thế thì người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng đại thừa. Chư hiền đệ có hiểu đại thừa là thế nào chăng? Sao gọi là sứ mạng đại thừa?”

Sứ mạng đại thừa là sứ mạng của người tu học đại thừa, phải thực hành Thiên Đạo đại thừa để đốn tuyệt vạn duyên, cắt đứt mọi ràng buộc, tức là được giải thoát.

Hồi nãy, thánh giáo của Đức Chơn Nhơn nhấn mạnh đến chỗ hành giả phải có quyết tâm giải thoát. Nhưng mà giải thoát cái gì? Giải thoát ra sao?

Nhiều khi chúng ta nghe quen tai, nói quen miệng một chữ nào đó mà chúng ta thật sự ít đào sâu ý nghĩa để lãnh hội thấu suốt nghĩa lý của chữ đó.

Để giúp chúng ta thấu suốt ý nghĩa thế nào là Thiên Đạo

giải thoát, Đức Chơn Nhơn dạy như sau:

“Người tu học đại thừa phải hành Thiên Đạo. Thiên Đạo tức là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp Nhơn, chấp Đạo, chấp Pháp, tất cả đều không mới là giải thoát.”

Lời dạy này của Đức Chơn Nhơn giống như nêu lên một nguyên tắc chung. Áp dụng nguyên tắc này vào cuộc sống, Đức Chơn Nhơn sẽ lần lượt dẫn dắt chúng ta vào năm trường hợp cụ thể.

① “Đứng trước một xã hội tao loạn, người giải thoát phải tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình để biến hoàn cảnh hiện tại tao loạn trở thành an nhiên. Đó là giải thoát.”

② “Đứng trước vật chất vinh hoa phú quý, danh lợi đầy đầy sáng chói, người tu học Thiên Đạo đại thừa phải nhắm vào sự sáng chói của tâm, sự tịch tịnh của tâm, như núi Thái Sơn sừng sừng trước gió loạn sấm chớp vẫn không lay chuyển. Đó là giải thoát.”

③ “Ở vào cảnh vinh sang phú túc, nệm ấm chăn êm mà tâm vẫn an nhiên thanh tịnh như ngồi trên nệm cỏ bồ, như uống nước suối trong veo, như ăn những quả đào ngon ngọt, không thấy tâm động vì có đó mà phải tha thiết, vì mất đó mà phải rối loạn. Đó là một giải thoát nữa.”

④ “Đứng trước nghịch cảnh trái ngang, nhưng tâm vẫn thấy như ngồi trên bàn thạch, hoặc ở chỗ thanh thoát bao la để biến hoàn cảnh ấy như gió thoảng như mây bay, tu tan không ngừng nghỉ. Đó cũng là một phương giải thoát.”

⑤ “Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề như cá trong nước, như rồng trong mây, có thể hòa hợp

tâm linh trong vũ trụ, cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện tại, từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có. Đó cũng là phương giải thoát.”

Cả năm trường hợp cụ thể đó, chúng ta có thể tóm gọn thành ba ý cho dễ ghi nhớ như sau:

a. Tâm giải thoát là tâm an nhiên, thanh thản dù hoàn cảnh xã hội đang rối loạn.

b. Tâm giải thoát là tâm bất động trước mọi cám dỗ của phú quý, danh lợi.

c. Tâm giải thoát là tâm không dao động trong mọi nghịch cảnh để ung dung và sáng suốt giải quyết mọi vấn đề.

Mỗi người chúng ta đi tu đều có một hoàn cảnh riêng. Ai cũng có sự khao khát, có thử thách riêng cho mình do *nghiệp riêng* của bản thân mình. Bên cạnh đó, chúng ta còn phải gánh vác thêm phần *cộng nghiệp* của gia đình, dân tộc và nhân loại trong thời mạt pháp.

Xác định như thế để chúng ta thấy rằng con đường tu của chúng ta không phải lúc nào cũng thẳng băng và suôn sẻ.

Tuy nhiên, Đức Chơn Nhơn đã an ủi chúng ta:

“Những điều trở ngại, những cảnh trái tai gai mắt, những nếp sống bỡ ngỡ khi bị chênh lệch bình thường của chư hiền đệ muội, của dân tộc này nào có bao nhiêu, vẫn còn được ơn Trời chan rưới mở Đạo cứu độ dắt dìu.

“Nếu chư hiền đệ muội mục kích được cảnh trạng đau thương của kẻ khát nước mà chết, ao hồ sông rạch biến thành sa mạc, những kẻ bị sụp đất, bị biến thiên thì phải đau khổ là dường nào! Những người ấy, giống dân ấy có tin Thượng Đế hay không là điều không phải nói, chỉ nói là họ cũng như chư đệ muội, vì sống vào địa giới thiếu sinh lực thiên nhiên, phải

chịu biến cả hóa ruộng dâu. Trước luật tự nhiên, muốn cũng không đặng mà không muốn cũng không đặng. Xét như vậy để thấy hạnh phúc đã dành sẵn cho dân tộc này, chỉ còn chờ những tay đạo đức dựng xây thành thánh đức đó thôi.”

Nhưng thử hỏi ai là *những tay đạo đức*? Nếu không phải là các hành giả hiện nay đang thực hành sứ mạng Thiên Đạo đại thừa thì còn biết tìm ở đâu?

Ồn Trên đã dạy chúng ta thực hành phép hồi hướng sau mỗi thời công phu để bố điền lành ra vũ trụ cứu khổ chúng sanh. Nếu chúng ta tịnh luyện tốt, tập trung thần lực để hồi hướng được đúng mức, đó là chúng ta đang dùng phép mầu vô vi huyền diệu để giải khổ nạn cho chúng sanh, trong đó có chúng ta nữa.

Đức Chơn Nhơn đã khẳng định cho chúng ta về công năng huyền diệu phi thường của phép hồi hướng như sau:

“Chư tịnh viên được vào tịnh [trong khóa tu này] vừa lập công, vừa tu tập, công đức hiển dăng thần lực hồi hướng cho chúng sanh, dầu là một thần lực của một cá nhân còn thấp kém song đối với tâm đạo thì Thiêng Liêng xem đó là cao cả tốt đẹp, nhờ vậy mới đổi được kiếp nạn của chúng sanh từ giờ phút.”

G. Gìn tâm chơn thường, tâm nhứt như tiến đạo để hoàn thành sứ mạng Thiên Đạo đại thừa

Trước khi từ giã chúng ta, Đức Chơn Nhơn dặn dò:

“Chư hiền đệ, hiền muội nếu lãnh hội được lời Lão dạy hôm nay, dầu có những gì biến chuyển cũng được an tâm mà tiến đạo. Đừng để tâm vọng động ắt phải bị ngoại cảnh giày vò, bao nhiêu công phu tu dưỡng đều tiêu hủy. Mọi việc khó khăn đều có thần minh hộ trợ. Nếu không lửa đỏ chẳng biết sức vàng mười. Lão dạy bao nhiêu, chư đệ muội ý thức rồi có

dịp sẽ dạy thêm.”

Đây là lời từ ái Đức Chơn Nhơn khuyên chúng ta nếu đã thật sự hiểu thấu đạo lý đạo trong thời pháp Ngài giảng, thì ta hãy an lòng mà tiến bước trên đường đạo, dầu cho ngoại cảnh có biến thiên dữ dội thế nào chẳng nữa.

Nói cách khác, đó là Ngài khuyên chúng ta hãy biết đem *tâm chơn thường*, lấy tâm bất biến ứng phó với vạn biến của ngoại cảnh. Tức là đem *tâm nhưt như bất nhị* để hóa giải sự đối đãi giữa ngoại cảnh và nội tâm mà tiến thủ trên đường Thiên Đạo.

Khi từ giã chúng ta, Đức Chơn Nhơn lưu lại hai câu thơ này:

*Công phu tịnh tọa tham thiên,
Hoàn thành sứ mạng số Tiên ghi đề.*

Chúng ta lưu ý rằng Ngài nhắc nhở hành giả phải *hoàn thành sứ mạng*. Như thế, việc tu thiền hay công phu của chúng ta mỗi ngày chẳng hề đơn giản chỉ là việc riêng của một cá nhân, nếu được kết quả thì tốt cho bản thân mà không kết quả thì cũng chẳng ảnh hưởng đến ai. Trái lại, quý tịnh hữu phải nhận thức đúng đắn rằng kết quả tu tập tốt hay kém của mỗi hành giả đều ảnh hưởng nhưt định đến sự an lạc của cả thế gian này.

Thật vậy, mỗi hành giả dù ở bất kỳ trình độ nào, chẳng luận thâm niên cao cấp hay tịnh viên sơ cơ, tất cả đều có chung một sứ mạng trên đường Thiên Đạo.

Sứ mạng này nói rõ ra là các hành giả không phân biệt trình độ và tuổi đạo, tất cả cùng nhau liên kết để dệt thành tấm lưới thiêng giảng bủa diển lành ngõ hầu hóa giải kiếp nạn dữ dẫn và dồn dập của chúng sanh trong cơn sàng sẩy ráo riết trước khi chuyển sang thời thượng nguơn thánh đức.

Bởi thế nên ở phần trên của thời pháp, Đức Chơn Nhơn giảng rõ về sứ mạng này như sau:

“Chư tịnh viên được vào tịnh [trong khóa tu này] vừa lập công, vừa tu tập, công đức hiển dăng thần lực hồi hướng cho chúng sanh, dầu là một thần lực của một cá nhân còn thấp kém song đối với tâm đạo thì Thiêng Liêng xem đó là cao cả tốt đẹp, nhờ vậy mới đổi được kiếp nạn của chúng sanh từ giờ từ phút.”

Các tịnh viên tuy còn sơ cơ, tuy mới vừa bước vào đường đạo pháp vẫn rất nên ghi nhớ lời ân cần dặn dò của Đức Chơn Nhơn. Quý tịnh hữu đừng tự xem thường mình mà hãy nhận thức rõ mình đang có sứ mạng Thiên Đạo đại thừa của Kỳ Ba cứu thế. Bởi lẽ Đức Chơn Nhơn dạy rất rõ:

“... dầu là một thần lực của một cá nhân còn thấp kém song đối với tâm đạo thì Thiêng Liêng xem đó là cao cả tốt đẹp, nhờ vậy mới đổi được kiếp nạn của chúng sanh từ giờ từ phút.”

*

Ôn học lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn năm xưa, chúng ta có dịp suy gẫm để hiểu rõ rằng ngày hôm nay mỗi đạo hữu chúng ta một khi đã chọn con đường làm người hành giả của Tam Kỳ Phổ Độ, tức là chúng ta đang tự nhận lấy cho mình sứ mạng Thiên Đạo đại thừa cứu khổ ban vui cho vạn linh sanh chúng.

Chúng ta cũng tự nhắc nhở lấy mình rằng sứ mạng này mỗi tịnh hữu đều có bổn phận thực thi cho thành kết quả, không phân biệt là cấp cao thâm hay người mới ở bậc sơ cơ về đạo pháp. Miễn là chúng ta có lòng chơn thật, chí thành như Đức Chơn Nhơn chỉ dạy, thì chúng ta sẽ thành tựu kết quả vi diệu

trong Kỳ Ba đại ân xá.

Giờ đây, để cùng quý đạo hữu tri ân lòng thương yêu giáo hóa của Ngài, và để nhớ rằng Ngài luôn kỳ vọng cho chúng ta sẽ đắc thành chánh quả bằng chính tự lực của hành giả chúng ta trên đường sứ mạng đại thừa, tôi xin kính gởi quý vị hai câu thi của Đức Chơn Nhơn:

*Ngôi Tiên, ngôi Phật, ngôi Thần Thánh,
Cũng ở trần gian, cũng ở người.*

SỨ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Hiểu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo khía cạnh là một mối đạo nhằm độ rỗi nhân sanh bằng con đường giáo dân vi thiện thì chưa đủ. Thiển nghĩ, chúng ta cần nghiên cứu, nghiệm suy để cảm nhận ý nghĩa một cuộc vận hành lý Đạo để phổ độ nhân sanh bước sang một ngươn hội mới.

Thật vậy, định luật tiến hóa của trời đất đang vận chuyển sang một chu kỳ tiến hóa cao hơn, là chu kỳ thánh đức với những con người có trình độ văn minh đạo đức, hòa ái, hòa đồng, thanh cao, tốt đẹp.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Chí Tôn khai mở với một sứ mạng kép:

- Sứ mạng đối với các tôn giáo.
- Sứ mạng đối với nhân loại.

I. Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với các tôn giáo

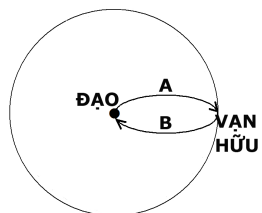
Sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với các tôn giáo là khêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên, soi rọi để các tôn giáo trở về nguồn gốc của mình là Đại Đạo, phục hồi tinh thần Đại Đạo, từ bỏ mọi chấp nê vào hình tướng tôn giáo, hiệp tâm chung sức cùng nhau phụng sự cơ tiến hóa của trời đất, của nhân sanh.

Kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ là kỷ nguyên quy nguyên, phục nhứt, nghĩa là trở về nguồn gốc của các tôn giáo là Đại Đạo. Thuật ngữ Cao Đài gọi đây là cơ quy nhứt, là cơ Tam

Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.

Thật vậy, trải qua hai ngàn năm trước, các vị giáo chủ đã tùy trình độ tiến hóa trong từng thời kỳ của nhân loại mà lập giáo độ đời. Các tôn giáo vì thế đã mang sắc tướng và chịu ảnh hưởng của các chế độ xã hội tương ứng. Lâu đời, theo dòng lịch sử, tôn giáo đã bị loài người của thời gian và không gian thêm thắt vẽ vời theo đà lực ly tâm nhứt bốn tán vạn thù, nên ngày càng khác biệt nhau về sắc tướng, và sắc tướng đã tác động, ảnh hưởng tới tư tưởng, chủ trương của các vị lãnh đạo tôn giáo.

Nay đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn lập Đạo để soi đường cho Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, cùng nhau quay về nguyên bản, tìm lại điểm Một vô sai biệt đang tiềm tàng bên dưới các lớp sắc tướng nhiều sai biệt của tôn giáo.



Hai chiều vận động của Đạo:

A: Nhất tán vạn. Từ nguồn gốc Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo.

B: Vạn quy nhất. Từ Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo.

Các tôn giáo hiện hữu đều góp phần tạo nên cái đẹp đa văn hóa. Các tôn giáo luôn được trân trọng, tôn kính trong mọi sắc thái dị biệt của mình, nhưng các tôn giáo không nên vì chỗ dị biệt đó mà mang tư tưởng độc tôn.

Cho nên phải hiểu Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhứt theo ý nghĩa vạn thù quy nhứt bốn, tức là các tôn giáo đều thấy mình và các tôn giáo bạn có cùng một nguồn gốc, là Đạo, là Thượng Đế, là Thiên Chúa, là Phật, v.v... Tên gọi tuy khác nhau nhưng đều chỉ một bản thể duy nhất. Bây giờ, các tôn giáo sẽ dành nhiều nỗ lực hơn để thông cảm, thấu hiểu

nhau, để rồi cùng tìm cách hợp tác hiệu quả trên bình diện rộng lớn để hỗ trợ nhau làm vơi đi khổ nạn của chúng sanh.

Có giũ bỏ đi các hình danh sắc tướng bên ngoài thì mới thấy hiển lộ điểm Đạo toàn bích bên trong. Và khi các tôn giáo biết cùng nhau tiến về điểm Một, phục hồi tinh thần Đại Đạo thì mọi câu nệ, mâu thuẫn, tranh chấp thấp cao sẽ lùi về quá khứ.

Trên đường quy nguyên phục nhứt, con người tôn giáo khám phá ra rằng mọi đạo (tôn giáo) đều từ một gốc Thượng Đế mà ra, không có đạo thấp đạo cao, chỉ bởi trình độ con người hiểu đạo có cao có thấp khác nhau nên mới lầm ngỡ rằng đạo này cao đạo kia thấp mà thôi.

Bất luận là thuộc tôn giáo nào, khi con người đạt đến chỗ tinh túy, tinh hoa của tôn giáo thì tự nhiên sẽ gặp nhau ở cái biết vô cùng. Cái biết vô cùng ấy tức là cái minh triết vô cùng, là Đại Đạo, là Thượng Đế.

Vai trò phụng sự Thiên cơ, phụng sự nhân loại của các tôn giáo chỉ có thể thực hiện được khi nào ý thức đồng nguyên và quy nguyên đã phổ biến, trình độ siêu xuất đã đạt được trong chính các tôn giáo, và tinh thần đại đồng đã là gương sáng từ các tôn giáo.

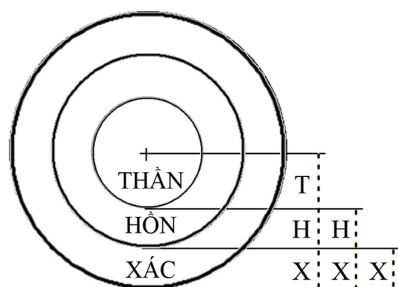
Sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã rõ rệt. Đừng như có người từng trót hiểu sai rằng lấy mỗi cái một chút trong Tam Giáo gộp lại thì ... thành ra đạo Cao Đài (!). Giáo lý chơn truyền của đạo Cao Đài dạy giũ bỏ hình danh sắc tướng, thậm chí “Cao Đài không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài.”⁽¹⁾ Chính cái danh Cao Đài cũng chỉ là tá danh (tạm mượn) mà thôi.

⁽¹⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

Tóm lại một cách ngắn gọn và rõ ràng, xin hãy gẫm suy thấu đáo lời dạy sau đây của Ôn Trên đã minh định về sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với các tôn giáo: Khêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên, khai phóng tâm linh đưa con người vươn lên tầm vóc Đại Đạo, để con người biết “ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,”⁽²⁾ biết “vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.”⁽³⁾

II. Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với nhân loại

Việc khảo sát tiến trình lịch sử loài người về phương diện tâm linh cho thấy con người tách xa dần Thượng Đế, quên dần linh căn, bỏ mất dần phần quý báu nhất của chính mình.



a. Ở thời kỳ thứ nhất, con người xa xưa nhận mình có xác, có hồn, và có thần (hay Thiên Tánh, linh căn). Thời đó loài người tin rằng Trời chẳng xa người, và không những Trời hằng ngự trong tâm khảm nhân quần, mà còn bằng bạc khắp nơi trong vạn hữu.

⁽²⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

⁽³⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

b. Tiến dần theo đà ly tâm, sang thời kỳ thứ hai, đa số nhân loại chủ trương rằng con người có xác, có hồn, mà quên mất phần thần. Thế nên Trời, người cách biệt nhau muôn trùng (tuy xa cách nhau, nhưng con người vẫn tin có Trời).

c. Sang thời kỳ thứ ba, nhân loại có xu hướng phủ nhận luôn phần hồn của mình. Một số triết gia đã chủ trương con người chỉ có xác, còn hồn là cái gì phụ thuộc, là phản ánh của thân xác. Thậm chí một số người còn cho rằng hồn là cái gì huyền hoặc, là sản phẩm của trí tưởng tượng; con người chỉ có xác, chết rồi là hết.

Trước tình trạng con người tự chối bỏ giá trị con người, “con người đã phản kháng chính con người mà tự con người không hay không biết”⁽⁴⁾ và từ đó: “Con người say sưa trong cái cuồng bạo của bản năng, của tham vọng và đã đồng hóa con người chính danh với con người tối tăm tội lỗi đó.”⁽⁵⁾ Đức Chí Tôn đã khai nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thành lập đạo Cao Đài để:

- Xây dựng lại ý thức con Người.
- Khai phóng con người, vận dụng con Người cho cuộc kiến tạo đời thánh đức.

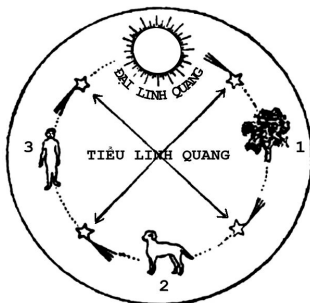
1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xây dựng lại ý thức con người

Trước hết, Cao Đài xây dựng lại ý thức con người, khai quang điểm nhãn cho con người bừng tỉnh lại, tự biết mình, rằng trong xác còn có hồn, trong hồn còn có thần, ý thức được danh vị của mình, biết rõ mình là một tiểu linh quang từ một khối Đại Linh Quang (Thượng Đế) mà ra, có căn cốt Trời nội

⁽⁴⁾ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Hợi (09-5-1971).

⁽⁵⁾ Đức Lê Đại Tiên, Văn phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

tại nơi tâm khảm mình... Và từ đó, biết mỗi dây liên hệ cơ hữu, nội tại, không những nối kết mình, ràng buộc mình với Đạo, với Trời, mà còn nối kết mình với muôn loài vạn vật trong lý Thiên địa vạn vật nhất thể.



Thật vậy, kinh *Đại Thừa Chơn Giáo* đã giải thích và minh họa bằng hình vẽ những giai đoạn tiến hóa của chúng sinh vạn vật (trong đó có con người), diễn giải cho thấy rõ mối liên quan giữa Trời, người, và chúng sinh vạn vật. Theo đó, quá trình tiến hóa là một chuỗi dài lao động, hy sinh phụng sự với “*biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh xả thân giúp đời, mãn kiếp nợ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi.*”⁽⁶⁾

Với quan niệm tiến hóa này, người tín đồ Cao Đài không xa lạ với học thuyết Darwin cho rằng do quá trình lao động lâu dài mà con vượn người tiến hóa thành người. Giáo lý Cao Đài khuyến khích con người qua lao động hy sinh phụng sự đời đạo, thực hiện bước tiến hóa tiếp theo, khép kín và hoàn tất một chu trình tiến hóa.

*Tu hành là học làm Trời
Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian.*⁽⁷⁾

⁽⁶⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài *Nhơn Vật Tiến Hóa*, đàn ngày 12-8 Bính Tý (1936).

⁽⁷⁾ Đức Cao Triều Trực, *Cao Thượng Bửu Tòa*, 18-8 Bính Ngọ (02-10-

Tôi đây cần đi sâu hơn vào phần triết lý Cao Đài.

Triết lý Cao Đài minh thị giá trị con người và chỉ bày cho con người phương cách giải quyết những bài toán của con người đối với xã hội nhân quần và đối với chính mình. Đó là con đường Cao Đài đi tới cứu cánh Thế Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát.

Con đường cứu độ nhân sanh của Cao Đài nhằm mục tiêu **Thế Đạo đại đồng** gồm ba điểm chính sau đây:

a. Nhờ giác ngộ rằng chúng sinh vạn vật đều cùng là điểm linh quang của Thượng Đế, con người ý thức được rằng thương yêu chúng sinh vạn vật là thương yêu Thượng Đế, phụng sự con người là phụng sự Thượng Đế. Tinh thần đại đồng xuất phát từ đây. Đức Chí Tôn dạy:

“*Vì các con là một trong vạn vật chúng sinh, mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy, các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy.*”⁽⁸⁾

Với niềm tin mỗi con người đều là điểm linh quang của Thượng Đế, người tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có một cái nhìn không ranh giới giữa đồng loại, dù là hữu thần hay vô thần.

Thánh giáo Cao Đài dạy rằng người vô thần phủ nhận Thượng Đế, nhưng nếu biết sống yêu thương đồng loại, tâm

1966): *Tu hành để được làm Trời / Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian*. Đức Cao Triều Trực, *Thiên Lý Đàn*, 09-9 Canh Tuất (08-10-1970): *Tu hành là học làm Trời / Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian*. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, *Minh Lý Thánh Hội*, 29-01 Tân Hợi (24-02-1971): *Tu hành là học làm Trời / Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian*.

⁽⁸⁾ Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

địa xả kỷ vị tha, biết phục vụ con người, biết sống hữu ích và thể hiện nhân bản trong cách sống, thì người ấy tuy vô thần nhưng không vô đạo. Người ấy phủ nhận Thượng Đế vì chưa biết Thượng Đế, nhưng người ấy cũng đang hành như đạo, người ấy cũng đang tiến hóa đi lên, và cũng đang phát triển cái chất Thượng Đế trong chính mình.

Sống với quan niệm thương yêu nhau tức là thương yêu Thượng Đế, và muốn phụng sự Thượng Đế thì trước hết hãy phụng sự con người, con người sẽ không gây khổ cho nhau, tâm đạo hằng ghi nhớ huấn từ của Đức Chí Tôn: “*Thầy là các con, các con là Thầy.*”⁽⁹⁾ Thế nên, “*Chúng sanh đau khổ, chính Thầy đau khổ. Chúng sanh ly tán như lòng Từ Phụ ly tan.*”⁽¹⁰⁾

Đây là một trong những khía cạnh đẹp, thật đẹp của nguyên lý *Thiên địa vạn vật nhất thể*, mà cũng là điểm cao mà đạo Cao Đài chủ trương con người phải đạt tới. Điểm cao đó là tình *huynh đệ đại đồng*, là *thế nhân hòa*, điều kiện căn bản để kiến tạo hòa bình, an lạc trên thế giới.

b. Bài học về các nấc thang tiến hóa còn xác tín cho nhân sanh ý thức rõ rằng hạnh phúc mai sau phải là sự tiếp nối của hạnh phúc được bắt đầu xây dựng ngày nay, ngay tại cõi đời này, bằng công quả của phụng sự và công phu, công trình tiến hóa, chớ không phải là một ước mơ, một viễn tượng mù mịt đầu đầu. Giáo lý Cao Đài không hề chủ trương phủ nhận hay né tránh cuộc sống thế gian hiện tại để chọn cuộc sống hạnh phúc mai sau ở nơi trời cao. Trái lại, giáo lý Cao Đài xác nhận:

- Trần gian chính là môi trường tiến hóa sinh động bậc

⁽⁹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

⁽¹⁰⁾ Đức Chí Tôn, Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Ty (06-8-1965).

nhất của càn khôn với đủ mọi màu sắc vui buồn, sướng khổ, thiện ác, xấu đẹp để trui rèn con người học hỏi, tiến hóa. Thế nên trường đời theo giáo lý Cao Đài chính là trường thi tiến hóa, và chúng sinh trong đời là những thí sinh.

- Tu không phải chán đời ản dật, mà phải mạnh dạn đi vào đời để phụng sự, giúp đời bằng con đường hành đạo thiết thực, tạo hạnh phúc cho tha nhân.

Đức Đức Chí Tôn từng khuyến nhủ:

“*Trước hiện tình đặc biệt ngày nay, nhiệm vụ các con rất cần hơn lúc nào hết. Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn; mà con phải ăn một thức ăn tinh thần và mọi người đều thọ hưởng thức ăn tinh thần ấy, để có đủ năng lực sáng suốt, ngõ hầu đối phó với mọi hoàn cảnh hiện tại và xây đắp lại nền tảng giáo lý vững chắc ở tương lai.*”⁽¹¹⁾

Đức Giáo Tông Đại Đạo nhắc nhở:

“*Chư hiền đệ còn nhớ câu Đức Chí Tôn đã dạy: Các con không nên ăn bánh vẽ mà cũng đừng đem bánh vẽ đến cho thiên hạ ăn. Cần phải ăn những thức ăn thật sự mới no lòng, thức ăn tinh thần mới sáng suốt.*”⁽¹²⁾

Chư vị Tiền Khai Đại Đạo cũng từng nhắc nhở:

“*Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.*”⁽¹³⁾

Tư tưởng xây dựng thiên đàng tại thế gian cho con người, trong đó có chính mình, xác định cái thế tương nhập, bổ túc

⁽¹¹⁾ Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Ty, 15-02-1965.

⁽¹²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Tân Hợi (04-9-1971).

⁽¹³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

cho nhau giữa nhân sinh và tâm linh, hạnh phúc vật chất lẫn tinh thần. Con đường tu hành theo Cao Đài là con đường trung nhất dung thông đạo và đời, khoa học và đạo lý, tâm linh và xã hội. Đạo sinh ra con người, người là Đạo, mà Đạo là âm dương hòa hợp, thì người phải là một thực thể thống nhất hai mặt vật chất và tâm linh.

c. Nhờ có ý thức rằng trình độ tiến hóa đạt được là kết quả của bao công quả, công trình hy sinh phụng sự, người tín đồ Cao Đài nói riêng và con người của kỷ nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung không còn ý lại vào tha lực, vào thần quyền, luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn từ buổi khai Đạo:

“Thầy nói cho các con hay trước rằng nếu các con không tự lập ở cõi thế này là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bông ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó. Thầy vì công lý mà khai Đạo cho các con đã là một phúc hạnh lớn cho các con. Nếu Thầy còn đưa tay bông ẵm thì các con chẳng còn để ý chịu nhọc vì Đạo.”⁽¹⁴⁾

Vậy người có ý thức đầy đủ về giá trị và bổn phận của mình là người biết sống tự lập, tích cực công quả theo phương châm *sống đời là sống đạo, sống đúng đạo hợp đời, cùng nhau phấn đấu kiến tạo hòa bình, hạnh phúc cho nhơn loại trên cơ sở đạo lý, tiến bộ, và đại đồng huynh đệ.*

2. Cao Đài khai phóng con người, vận dụng con Người cho cuộc kiến tạo đời thánh đức

Tự nhận diện được phần chính danh chính vị, biết rõ mình là một tiểu linh quang từ một khối Đại Linh Quang mà ra, đó là con người ý thức được nhân bản của mình. Nhưng từ chỗ ý

⁽¹⁴⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 15-4-1927.

thức được nhân bản cho tới chỗ thực sự phục hồi được nhân bản, con người phải phấn đấu xóa bỏ dần những thú tánh để tiến lên biểu hiện đầy đủ nhân bản trong cung cách sống, sống sao cho ra con Người, đúng nghĩa con Người.

Đó là con đường quy nguyên phản bản. Con người phải nhờ tới phần đạo học, lo tu sửa thanh lọc thân tâm, để linh hồn được mở mang tiến hóa, nhờ mở mang tiến hóa mà được khai phóng khỏi sự nhỏ hẹp nặng nề của phàm ngã, để có trình độ biết hòa đồng.

Từ ngưỡng cửa tôn giáo, người tín đồ đi sâu vào Đại Đạo rồi mới thấy được cái lý siêu việt của Cao Đài, mới cảm nhận được rằng tâm thân huyết nhục của mình có giá trị của một pháp thân, nếu biết trau luyện nó. Pháp thân đó là một tiểu thiên địa, là một tòa thánh. Trong cái tiểu thiên địa, trong cái tòa thánh ấy cũng có ông Thượng Đế, ông Cao Đài để mà thờ, đó là Chủ Nhân Ông, Nguơn Thần được phục hồi và vun bồi, khêu tỏ, cho ngày càng được đủ đầy, rạng rỡ.

Hành đạo pháp, người tín đồ sẽ được mở mang, biết rằng trong chính mình cũng có cơ quy tam hiệp ngũ mà mình phải thực hiện cho kỳ được. Đó là cơ quy tam bửu hiệp ngũ khí, tức là cơ ngũ khí triều nguơn (hay ngũ khí triều huyền), tam huê tụ đánh. Thực hiện được cái cơ này, con người mới có thể phản bổn hườn nguyên, giải thoát linh hồn, thân của người sẽ hiệp với Thần của Trời làm một (Thiên nhân hiệp nhất), đúng theo lời dạy của Đức Chí Tôn thuở ban sơ lập đạo Cao Đài:

“Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc đạo.”⁽¹⁵⁾

Trên đây là phần thứ hai của cứu cánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: **Thiên Đạo giải thoát.**

⁽¹⁵⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 25-02-1926.

Là cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hai phần Thế Đạo đại đồng và Thiên Đạo giải thoát không phải là hai phần rời rạc nhau, hoặc mâu thuẫn nhau giữa hai chiều hướng nhập thế và xuất thế như có người ngộ nhận. Thật ra, hai phần này hỗ trợ, hỗ trợ cho nhau để giúp bước tiến hóa có điều kiện thăng cao, đầy đủ.

Thật vậy, muốn góp phần công quả phụng sự mục tiêu Thế Đạo đại đồng, phụng sự cơ hòa và cơ quy bên ngoài của trời đất, con người phải biết thực hiện cơ hòa và cơ quy bên trong. Có biết lo tinh tấn hành đạo pháp để thanh lọc thân tâm, thì nhờ đó bản thể mới trở nên thanh nhẹ. Bản thể có thanh nhẹ thì tiểu vũ trụ mới được vui hòa. Có vui hòa mới an định, thanh tịnh. Có thanh tịnh thì ngũ khí mới gom, tam bửu mới hiệp, cơ quy bên trong mới thành. Cơ tiến hóa, cơ quy nguyên phải đi từ căn bản tiến hóa của chính con người.

Thực hiện cơ quy từ bên trong ra bên ngoài là bước đi có nền tảng vững chắc. Những hành giả thực hiện được cơ quy bên trong sẽ góp phần công quả đặc lực, thực hiện cơ hòa, cơ quy bên ngoài một cách dễ dàng, thoải mái, vì không còn cần phải cố gắng, gượng ép khó khăn để đè nén cái phạm ngã nặng nề của mình.

Vậy phần công trình, công phu thực hành Thiên Đạo giải thoát là để hỗ trợ, để có điều kiện thực thi hữu hiệu, dễ dàng phần công quả Thế Đạo đại đồng. Ngược lại, công quả phục vụ phần thế đạo, việc xả thân giúp đời có tác dụng giải trừ nghiệp chướng, giúp cho việc tu giải thoát sớm thành công.

Tóm lại, một tín đồ Cao Đài, một tín đồ nói chung của kỳ nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thật xứng danh, xứng nghĩa là người tín đồ: trong thì lo tu sửa, thanh lọc thân tâm, hòa yên bản thể để lập cơ quy của tiểu thiên địa, tức là cơ quy tam bửu hiệp ngũ khí, ngoài thì lo hỗ trợ cơ tiến hóa của quần

sinh, thực thi hòa ái hòa đồng, phụng sự cơ quy của đại thiên địa, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, hòa hiệp nhân loại.

Ngoài việc giác ngộ mà biết bản phận vi nhân, người tín đồ tinh tấn nói chung trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, những bậc nguyên căn nói riêng, còn được Đức Đại Từ Phụ minh thị, ban trao sứ mạng phụng sự đời. Nhờ tu tiến con người lãnh hội được đức hạo sanh của Thượng Đế, Thiên tánh của mình (đã được phục hồi), thúc giục mình thọ lãnh sứ mạng, tích cực trở thành sứ giả của Thượng Đế, thể Thiên hành đạo, phụng sự đời, hướng dẫn vạn linh sanh chúng sống theo luật Trời, theo Đạo, đem vạn thù sai biệt trở về Nhất lý chơn tông.

Thi hành sứ mạng và xứng đáng với sứ mạng, thì ngoài năng lực của mình, con người sứ giả sẽ thọ được quyền pháp (Thượng Đế nội tại), bởi lẽ “*Con có Thánh Tâm sẽ có Thầy*”,⁽¹⁶⁾ thọ được năng lực nhiệm mầu để thành công trong sứ mạng.

Đó là Thiên ân hành Thiên Đạo, không câu chấp vào hoàn cảnh, xem tất cả là nhiệm vụ, là sứ mạng của người hành Thiên Đạo đại thừa để tạo hạnh phúc cho thế nhân, xây dựng cõi đời đại đồng thánh đức, thực hành lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn:

“Con ôi, con hãy dành tất cả tình thương cho đồng loại. hãy quên mình vì cứu độ, quay bánh xe đại thừa vào khắp chốn. Đừng buồn khi gặp những chướng ngại. Có vào lửa đỏ mới cứu được kẻ bị hỏa tai. Có chịu sóng gió bão bùng mới vớt được người chết đuối. Có hòa mình cùng nhân thế mới độ được thế nhân.”⁽¹⁷⁾

⁽¹⁶⁾ Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Tỵ.

⁽¹⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Mậu Ngọ.

XUÂN SỨ MẠNG

Trong những ngày xuân, xưa nay mọi người đều chúc nhau được *hạnh phúc*. Hai chữ hạnh phúc lặp đi lặp lại trong cuộc sống đời thường là mơ ước muôn thuở của vạn sanh, nhưng đồng thời cũng là lời nhắc nhở hàng ngũ Thiên ân sứ mạng nhớ lại và suy nghĩ về lời dạy của Đức Giáo Tông liên quan tới vấn đề gây dựng hạnh phúc cho thế gian:

“Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào.”⁽¹⁾

Đức Giáo Tông dạy tiếp:

“Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó.”

Chính từ Thánh ý nói trên mà chúng tôi phát tâm, nguyện hiến dâng đề tài Xuân Sứ Mạng trong dịp năm mới này. Chủ ý là để huynh tử đệ muội chúng ta trong cộng đồng Cao Đài không phân biệt địa phương nào, cùng nhắc nhở nhau về sứ mạng đem lại hạnh phúc cho nhơn loại bằng con đường rao giảng chân lý Cao Đài, để cho nhơn sanh Kỳ Ba được sinh tồn trong ơn cứu độ của Đức Chí Tôn. Đó mới là hạnh phúc chơn thật nhất mà các Đấng thiêng liêng mong muốn khách trần thọ hưởng.

⁽¹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Đinh Mùi (20-8-1967).

Vì sao con người không hạnh phúc? Vì con người phải sống trong cảnh khổ đau. Cho nên muốn có hạnh phúc, thì phải biến đổi cho đau khổ không còn. Đây là công năng diệu dụng của chân lý Đại Đạo, nếu chúng ta biết cách khai thác, vận dụng hữu hiệu thì sẽ đạt được kết quả đúng như lời Đức Chí Tôn dạy:

“Giáo lý hay chơn lý Đại Đạo được hoằng dương sâu rộng vào lòng người, sẽ biến đổi hoàn cảnh ngàn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.”⁽²⁾

Lời dạy trên đây của Đức Chí Tôn chính là nhắc chúng ta nhớ đến mục đích rất to tát, rất hoằng đại của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để chúng ta xây dựng cho mình một *tâm nhìn* tương xứng với *tâm kích* của Đại Đạo, để chúng ta đừng vô tình hay sơ ý mà thu hẹp Đại Đạo trong vỏ bọc chật chội của một tôn giáo cũ kỹ.

Thật vậy, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt có lần cảnh báo chúng ta:

“Trải qua bao lần vận động, mất bao tâm huyết, bao thời gian, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay cũng chỉ ru rú trong cảnh tôn giáo xa xưa!”⁽³⁾

Hai chữ *ru rú* của Đức Lê Đại Tiên rõ ràng đã giúp chúng ta nhìn lại chính con đường hành đạo đã qua của chúng ta. Quả thật chúng ta đã sơ sót, chưa trang bị cho mình một *tâm nhìn* mang tính thời đại để bắt kịp và tương thích, tương xứng với *tâm kích* vĩ đại hy hữu buổi Kỳ Ba mà ngay từ thời mới khai Đạo, biết bao thánh ngôn, thánh giáo đã vạch hướng chỉ đường.

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽³⁾ Thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

Để giúp chúng ta xây dựng cho mình một tầm nhìn mang tính thời đại, Đức Lê Đại Tiên dạy tiếp:

“Đừng xây ngôi nhà mới trên nền cũ. Hãy gây dựng một nền móng mới trước khi xây nhà đúc cột. Trách nhiệm mới, sứ mạng mới, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải tương đồng phối hợp mới. Trên con đường gay go, giữa thời buổi bão bùng, có người lữ khách nào mà lại dùng con ngựa què hay cỗ xe cũ? Phương tiện mới, mục đích mới, sứ mạng mới, khả năng mới. Nhìn lại trước sau, Đại Đạo vẫn bao gồm những gì chưa chịu ngược mắt nhìn lên bầu trời to rộng.”⁽⁴⁾

Từ những Thánh ý dẫn trên, suy ra, nếu người Cao Đài chúng ta thâm thía được lời dạy của các Đấng, và huynh tỷ đệ muội chúng ta dốc lòng say sưa truyền giáo, bằng cách biên khảo viết lách để thuyết minh giáo lý thì vẫn chưa đủ.

Thật vậy, vẫn cứ là chưa đủ nếu như cách chúng ta trình bày, chủ đề chúng ta chọn lựa vẫn còn làm cho Đại Đạo bị trói buộc, bị hạn giới vào chỗ “*ru rú trong cảnh tôn giáo xa xưa*”.

Chúng ta cùng suy gẫm xem:

Trong khi gắng công phổ thông phổ truyền giáo lý Cao Đài, nếu chúng ta vẫn quen và bằng lòng với những đề tài giáo lý tổng quát theo cái khuôn mẫu chung chung như khuyên đời tu thân hành thiện, tu mau kéo trễ, lánh vòng nghiệp quả luân hồi, v.v... thì đạo Cao Đài đâu có gì mới hơn các tôn giáo Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ?

Phải chăng nếu chỉ có thế thì đạo Cao Đài mở ra chỉ để làm tôn giáo thứ một ngàn lẻ một mà thôi?!

Nếu chỉ như thế, ắt hẳn Thượng Đế đâu cần xuống thế mở

⁽⁴⁾ Thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

Đạo Kỳ Ba, mà lại còn lập hồng thệ trước Công Đồng Tam Giáo rằng phen này “*lập Đạo không thành chịu tội vương*”.⁽⁵⁾

Trái lại, nếu huynh tỷ đệ muội chúng ta trên đường phổ thông giáo lý, xiển dương chân lý Cao Đài đều ý thức sâu sắc và cùng tập trung vào đích nhắm là khêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên, khai phóng tâm linh đưa con người vươn lên tầm vóc Đại Đạo, để con người biết “*ngược mắt nhìn lên bầu trời to rộng*,”⁽⁶⁾ biết “*vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất*.”⁽⁷⁾ thì chúng ta mới có thể làm sáng tỏ, mới nêu bật được nét đặc thù của Cao Đài trong sứ mạng xây dựng Kỳ Nguyên Thánh Đức cho toàn nhơn loại.

Có lần, một vị ngoài đời hỏi chúng tôi: “Bộ đạo Cao Đài không có giáo lý riêng hay sao mà nhiều khi tới chùa thất Cao Đài chúng tôi vẫn thường nghe quý vị đem ra giảng những đề tài khi thì thuộc Nho Giáo, khi thì Thiên Chúa Giáo, khi thì Lão Giáo hay Phật Giáo?”

Chúng ta cần nghe ý kiến dẫn trên của nhơn sanh và suy nghĩ nhiều lắm về cách chúng ta thực thi sứ mạng hồng giáo bấy lâu.

(1) Có người bảo rằng cơ sở giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Tam Giáo.

(2) Người khác bảo rằng cơ sở giáo lý của Đại Đạo Tam

⁽⁵⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, bài *Chi Ý Thuyết Minh*, đàn ngày 25-9 Bính Tý (1936).

⁽⁶⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

⁽⁷⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

Kỳ Phổ Độ là tinh thần *Tam Giáo đồng nguyên, Tam Giáo quy nguyên*, và *Vạn Giáo nhất lý*.

Cách hiểu và nói nào đúng hơn? Cần khẳng định rằng *quan niệm thứ hai là đúng hơn và sâu hơn*.

Trong một bài giảng, nếu cần thiết trích dẫn Nho Giáo, Thiên Chúa Giáo hay Lão Giáo, Phật Giáo để minh họa, đề kêu gọi thính giả hướng về chỗ đồng nguyên vượt lên hình tướng dị biệt thì ta nên làm.

Ngược lại, nếu biến diễn đàn thuyết minh giáo lý của đạo Cao Đài (ở hội trường, trên sách báo...) thành một “mặt bằng” lần này giảng một đề tài về Phật Giáo, lần kế giảng về đạo Thiên Chúa hay đạo Lão, đạo Nho, thì đó là một việc làm cần thận trọng xét lại. Đừng gây cho đại chúng có ấn tượng sai lầm rằng đạo Cao Đài không có giáo lý riêng!

Vấn đề này quan trọng lắm. Trong câu chuyện đạo lý đầu năm này, xin huynh tỷ đệ muội chúng ta hãy nghe lời nhắc nhở của Đức Lý Giáo Tông, khi Ngài nhân mạnh tới “*ý nghĩa phổ thông giáo lý*”. Đức Giáo Tông dạy:

“*Này chư hiền, trước hết, Bản Đạo nói về giáo lý. Đó là điểm quan trọng bậc nhất cho tiền đồ Đại Đạo.*”⁽⁸⁾

Đức Giáo Tông dạy chúng ta phải biết phát huy nội dung này:

“*Xây dựng nền tảng giáo lý theo kịp trình độ văn minh khoa học hiện đại để phổ độ khắp nhân loại thế giới, mặt khác làm xiển dương thánh ý: Dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn làm nền móng khai sáng cơ Đạo. Nên cần phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc theo đường lối Tam Giáo quy nguyên, Vạn giáo nhất lý và Thiên nhân hiệp*

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-02 Bính Dần.

nhứt, làm nổi bật thuần túy tính chất của dân tộc mà luôn khế hợp với bản thể đại đồng nhân loại.

(...)

“*Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu Đạo là đủ, mà phải làm cho cơ Đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh.*”⁽⁹⁾

*

Tết là trạm dừng chân sau một năm lao động công quả, phục vụ đạo đời. Sau những ngày nghỉ ngơi lấy lại sức, con người cảm thấy phấn chấn hơn trước đoạn đường sắp tới, lòng nô nức tự hứa sẽ làm tốt hơn, nhanh hơn và nhiều hơn, vì một đoạn đường trải qua là một khoảng thời gian làm quen tay hơn, kinh nghiệm hơn và công việc trở nên ít khó khăn hơn.

Đề tài Xuân Sứ Mạng được xây dựng trong tinh thần đó, muốn nói một cách đơn giản rằng người tín đồ nặng lòng với Đạo Thầy mỗi lần sang xuân đều cảm thấy mình được thúc giục gắn bó thêm hơn với sứ mạng phụng sự Đạo, phục vụ đời trong năm mới.

Đây là lời tâm huyết đầu năm chúng tôi muốn bộc bạch để quý huynh tỷ đệ muội chúng ta cùng nhau chung sức chung lòng, xiển minh giáo lý Đạo Trời để nhơn sanh hiểu rõ thực tướng và thực chất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chúng tôi cũng khẩn thiết cất tiếng kêu gọi toàn thể tín hữu Cao Đài hãy vươn lên, tu sao, hành sao, chứng minh sao cho Đại Đạo được sáng tỏ, để nhơn sanh không còn thắc mắc

⁽⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-02 Bính Dần.

mơ hồ đối với cơ chuyển thể Kỳ Ba theo quy luật tất yếu của trời đất.

Xin nhắc lại lời dạy của Đức Giáo Tông:

“Vai trò phổ thông giáo lý không dành cho người nào, ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó.”⁽¹⁾

Để huynh tử đệ muội chúng ta mạnh dạn ruổi giung thêm hơn trên đường sứ mạng kể từ mùa xuân này, chúng tôi xin trân trọng gửi tới quý huynh tử đệ muội mấy vần thánh thi của Ôn Trên:

*Xuân, xuân, biết mấy xuân rồi,
Hỡi người sứ mạng lập đời hay chưa?*⁽²⁾

Xuân đi xuân lại bao lần,

Xuân mang sứ mạng đường trần ruổi giung.⁽³⁾

⁽¹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Đinh Mùi (20-8-1967).

⁽²⁾ Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

⁽³⁾ Đức An Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 06-01 Ất Mão (16-02-1975).

TÂM NIỆM VÀ TRI ÂN

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *“Hỡi các con! Giáo lý hay chơn lý Đại Đạo được hoàng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngăn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.”*⁽⁴⁾

Thấm thía lời Thầy dạy trên đây, hằng ngày cúng tứ thời, khi niệm đến câu *“Nam mô nhưt nguyện Đại Đạo hoàng khai; Nhị nguyện phổ độ chúng sanh”*, người đạo Cao Đài chúng ta nên tự hỏi: Tôi đã làm được gì để hoàng khai Đạo Thầy cho đúng nghĩa là một chánh pháp cứu thế Kỳ Ba?

Chúng ta buồn tủi vì tình trạng Đức Giáo Tông Đại Đạo nêu lên cách nay hơn 40 năm, bây giờ vẫn còn phổ biến: *“Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chăng?”*⁽⁵⁾

Trước hoàn cảnh thiếu thốn giáo lý nói trên, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo ra đời. Xin hết lòng tri ân tất cả Quý vị Mạnh Thường Quân đã ủng hộ mạnh mẽ chương trình hoàng pháp suốt từ tháng 6-2008 tới nay. Và xin tâm niệm lời Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy: *“Công quả cùng danh nghĩa Đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhưt trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại, hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.”*⁽⁶⁾

BAN ẤN TỐNG

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽⁵⁾ Thiên Lý Đàn, 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969).

⁽⁶⁾ Thiên Lý Đàn, 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỶ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỶ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆT THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-1. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-3. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010, 2012.
- 25-2. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-1. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010.
- 28-1. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010.
- 29-1. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.

- 30-1. **MỘT DÒNG BÁT NHẢ.** Huệ Khải, 2010.
- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIỆN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huần, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-2. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010, in hai lần.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-1. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011.
- 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-1. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.
- 49-1. **KINH CÙNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-2. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012.
- 52-1. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỐ.** Huệ Khải, 2012.

* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN số 1, số 2.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I và II-2012. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)

Ghi chú: **52.1** tức là ấn phẩm thứ 52 và in lần thứ nhất.

24.3 tức là ấn phẩm thứ 24 và in lần thứ ba.

Từ nay, phương danh quý vị Mạnh Thường Quân đóng góp công quả ân tống, sẽ được in đầy đủ trong giai phẩm **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN**, mỗi năm xuất bản bốn tập vào bốn tháng 3, 6, 9, 12 dương lịch. Chân thành biết ơn quý vị Mạnh Thường Quân. (**BAN ẤN TỔNG**)

Ý NGHĨA THỰC HÀNH PHÁP THÍ

Đức **THẦN OAI VIỄN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN** dạy (ngày 02-11 Tân Mùi, thứ Năm 10-12-1931): “*Phàm người tu hành mà đặt nặng một bộ kinh sách mà khuyên chúng làm lành thì người ấy nặng thành Tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm nặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người nặng thành Thánh.*” (Chiếu Minh Đán, **Tam Ngươn Giác Thế**. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, tiền bối Cao Triều Trực ấn tống, tr. 36.)

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970): “*Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.*”

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nói chí phổ truyền chánh pháp Cao Đài của tiền nhân khai sáng là Đức **Bạch Liên Tiên Trưởng** (Phan Thanh, 1898-1952), kể từ tháng 6-2008, thánh thất Bàu Sen triển khai **Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo**. Trân trọng kính mời Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm, các nhà Mạnh Thường Quân trong Tam Kỳ Phổ Độ liên hệ với Ban Ấn Tống để cùng nhau hợp sức ấn tống làm pháp thí ngõ hầu hoằng giáo Kỳ Ba.

Địa chỉ liên hệ: **THÁNH THẤT BÀU SEN**

59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM ☎ (08) 38355733

● “*Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyên ở những câu:*

Nhứt nguyện Đại Đạo hồng khai, nhưng cứ ngồi khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hồng khai cho mình.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép màu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

... Muốn hồng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hồng khai với bất cứ hình thức nào.”

Đức **Đông Phương Chương Quân**

Trúc Lâm Thiên Điện, 17-7 Canh Tuất (18-8-1970)

● “*Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho những người dục vọng bại hoại lương tri.*

Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là hội thánh hay tòa thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”

Đức **Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh**

Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (20-8-1967)

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Địa chỉ liên hệ thỉnh kinh sách ấn tổng (kính biểu):

MIỀN TRUNG: HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN.

Khối 2, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định ☎ 056-3765010

QUẦY VĂN HÓA PHẨM (BAN KINH HỘ – HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).

80B Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng ☎ 0511-3887760

THÁNH ĐƯỜNG QUI NHƠN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).

55 Hàm Nghi, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định ☎ 056-3523716

THÁNH THẤT TRUNG HÒA. 457 Phan Chu Trinh, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk ☎ 050-3952869

MIỀN NAM: MINH LÝ THÁNH HỘI (TAM TÔNG MIẾU).

82 Cao Thắng, phường 4, quận 3 ☎ 08-38358181

THÁNH THẤT BÀU SEN. 59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5 ☎ 08-38355733

THÁNH THẤT TỪ VÂN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).

100 Thích Quảng Đức, P 5, quận Phú Nhuận ☎ 08-8421779

Truyền Trạng THANH CĂN (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).

40/28 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4 ☎ 01279945081

NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC.

281 Kinh Xáng, Phụng Hiệp, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau ☎ 0916028939

MIỀN ĐÔNG: THÁNH TỊNH NGỌC CHIẾU (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).

Khu phố Long Thới, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương ☎ 0953603029

NGUYỄN VĂN ĐẠO. Thị trấn Xuân Lộc, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ☎ 01693113723

MIỀN TÂY: THÁNH TỊNH LINH TIÊU ĐIỆN (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).

Xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ☎ 075-3899995

LÊ QUỐC VIỆT (HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO).

117 Quốc Lộ 1A, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ☎ 0919434444

LÊ THỊ HỮU. 235 tổ 15, Tân Quới Hưng, xã Trường An, Tp Vĩnh Long ☎ 070-3816363

Phó Trị Sự LÊ VĂN NGHIỆP. Ấp Qui Nông A, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ☎ 074-3890266 – 01689778032.

NGUYỄN THỊ LIÊN. 58/1 ấp 10, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú,

tỉnh Bến Tre ☎ 075-3602965

THUẬN QUANG TINH (Lâm Đăng Tông). 901 Lý Thường Kiệt, phường 5,

thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ☎ 073-6255258

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐƠN TÂM

SỨ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Sửa bản in: ĐIỀU NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fa : (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax : (08) 38153297

Số xuất bản **454-2012/CXB/23-51/TG**, ngày 03-5-2012.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**
59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653